

Số/No: 54../PTSCDV-CBTT
V/v: Công bố thông tin Báo cáo
tình hình quản trị Công ty năm 2025/
*Disclose information of report on corporate
governance for the year 2025.*

Hải Phòng, ngày 29.. tháng 01.. năm 2026
Hai Phong, date 29.. month 01.. year 2026

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
 - Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội
 - Quý Cổ đông
To: - *The State Securities Commission*
 - *Hanoi Stock Exchange*
 - *Shareholders*

1. Tên công ty/*Name of company*: Công ty Cổ phần Cảng Dịch vụ Dầu khí Đình Vũ/*Dinh Vu Petroleum Service Port Joint Stock Company*
2. Mã chứng khoán/*Stock code* : **PSP**
3. Địa chỉ/*Address*: KCN Đình Vũ, Đông Hải, Hải Phòng, Việt Nam/*Dinh Vu Industrial Park, Dong Hai, Hai Phong, Viet Nam*
4. Điện thoại/*Telephone*: 02253 979710 Fax: 02253 979712
5. Người công bố thông tin/*Person authorized to disclose information*: Đặng Kiên Nghiệp/*Dang Kien Nghiep*
6. Nội dung công bố thông tin/*Content of the information disclosure*:
 - Báo cáo tình hình quản trị Công ty Cổ phần Cảng Dịch vụ Dầu khí Đình Vũ năm 2025 được lập ngày 29/01/2026/*The report on the governance of Dinh Vu Petroleum Service Port Joint Stock Company for 2025 was prepared on January 29, 2026.*
7. Địa chỉ Website đăng tải toàn bộ báo cáo quản trị/*The website address for posting the full governance report*: www.ptscdinhvu.com.vn



Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố/*We hereby certify that the information provided is true and correct and we bear the full responsibility to the law.*

Trân trọng/*Sincerely!*

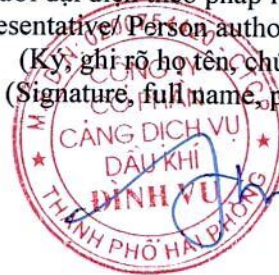
Nơi nhận/Recipients:

- Như trên/*As above;*
- HĐQT, BKS (đề b/c)/*BOD, Supervisory Board (for reporting);*
- BGD (đề b/c)/ *BOM (for reporting);*
- Website: www.ptscdinhvu.com.vn;
- Lưu/Archived: VT, TK Công ty/*Clerical, Company Secretary.*

Đại diện tổ chức

Organization representative

Người đại diện theo pháp luật/Người UQ CBTT
Legal representative/ Person authorized to disclose information
(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ, đóng dấu)
(Signature, full name, position, and seal)



KẾ TOÁN TRƯỞNG

Đặng Kiến Nghiệp



Hải Phòng, ngày 29 tháng 01 năm 2026/
Hai Phong, January 29, 2026

**BÁO CÁO TÌNH HÌNH QUẢN TRỊ CÔNG TY/
REPORT ON CORPORATE GOVERNANCE
(năm 2025/year 2025)**

Kính gửi/To: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước/The State Securities Commission of Vietnam
- Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội/Hanoi Stock Exchange

Tên công ty đại chúng/Name of company: Công ty Cổ phần Cảng Dịch vụ Dầu khí Đình Vũ/ Dinh Vu Petroleum Services Port Joint stock company

Địa chỉ trụ sở chính/Head office: Lô CN2.1, KCN Đình Vũ, Phường Đông Hải, Tp.Hải Phòng/ Lot CN2.1, Dinh Vu Industrial Zone, Dong Hai Ward, Hai Phong City, Vietnam

Điện thoại/Telephone: (+84)225.3979710 Fax: (+84)225.3979712 Email:

Vốn điều lệ/Charter capital: 400.000.000.000 VNĐ/VND

Mã chứng khoán/Stock symbol: PSP

I. Hoạt động của Đại hội cổ đông/Activities of the General Meeting of Shareholders

STT No.	Số NQ/Quyết định Resolution/ Decision No.	Ngày Date	Nội dung Contents
01	237/NQ-PTSCDV-ĐHĐCĐ	09/05/2025	Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2025 Resolution of the 2025 Annual General Meeting of Shareholders
02	548/NQ-PTSCDV-ĐHĐCĐ	06/10/2025	Nghị quyết ĐHĐCĐ bất thường năm 2025 Resolution of the Extraordinary General Meeting of Shareholders in 2025

II. Hội đồng quản trị/Board of Directors

1. Thông tin về Thành viên Hội đồng quản trị/Information on Members of the Board of Directors:

STT No.	Họ và tên Full name	Chức vụ Position	Ngày bắt đầu/không còn là TVHĐQT/HĐQT độc lập The date becoming/ceasing to be the member of the Board of
------------	------------------------	---------------------	---

			Directors	
			Ngày bổ nhiệm Date of appointment	Ngày miễn nhiệm/ Date of dismissal
1	Ông Nguyễn Hải Bằng <i>Mr. Nguyen Hai Bang</i>	Chủ tịch <i>Chairman</i>	28/06/2024	
2	Ông Nguyễn Quang Thường <i>Mr. Nguyen Quang Thuong</i>	Thành viên <i>Member</i>	03/06/2022	06/10/2025
3	Ông Trần Bùi Quang Long <i>Mr. Tran Bui Quang Long</i>	Thành viên <i>Member</i>	27/12/2024	
4	Ông Lê Trọng Quân <i>Mr. Le Trong Quan</i>	Thành viên <i>Member</i>	27/12/2024	
5	Ông Nguyễn Chí Trung <i>Mr. Nguyen Chi Trung</i>	Thành viên <i>Member</i>	27/12/2024	
6	Ông Nguyễn Hữu Hoan <i>Mr. Nguyen Huu Hoan</i>	Thành viên <i>Member</i>	06/10/2025	

2. Các cuộc họp của HĐQT/Meetings of the Board of Directors:

STT No.	Thành viên HĐQT <i>Board of Directors'</i> <i>members</i>	Số buổi họp HĐQT tham dự <i>Number of meetings attended by Board of Directors</i>	Tỷ lệ tham dự họp	Lý do không tham dự
1	Ông Nguyễn Hải Bằng <i>Mr. Nguyen Hai Bang</i>	05	100%	Không <i>None</i>
2	Ông Nguyễn Quang Thường <i>Mr. Nguyen Quang Thuong</i>	04	80%	Miễn nhiệm 06/10/2025 <i>Dismissed on 06 October 2025</i>
3	Ông Trần Bùi Quang Long <i>Mr. Tran Bui Quang Long</i>	05	100%	Không <i>None</i>
4	Ông Lê Trọng Quân <i>Mr. Le Trong Quan</i>	05	100%	Không <i>None</i>
5	Ông Nguyễn Chí Trung <i>Mr. Nguyen Chi Trung</i>	05	100%	Không <i>None</i>
6	Ông Nguyễn Hữu Hoan <i>Mr. Nguyen Huu Hoan</i>	01	20%	Bổ nhiệm 06/10/2025 <i>Appointed on 06 October 2025</i>

3. Hoạt động giám sát của HĐQT đối với Giám đốc/Supervising the Board of Management by the Board of Directors:

HĐQT đã thực hiện việc giám sát theo quy định của Công ty, cụ thể:

The Board of Directors conducted its supervisory activities in accordance with the Company's internal regulations, as detailed below:

- Trong năm 2025, Ban Giám đốc đã chỉ đạo và phối hợp chặt chẽ với các Phòng ban chức năng thực hiện các nhiệm vụ do Đại hội đồng cổ đông – Hội đồng quản trị Công ty giao cho. Các hoạt động của bộ máy điều hành có sự năng động, cân trọng đều tuân thủ theo Pháp luật, Điều lệ, Nội quy, Quy chế của Công ty và các qui định khác của nhà nước, phát huy được trí tuệ tập thể, năng lực sẵn có đóng góp vào sự phát triển của Công ty cũng như lợi ích của cổ đông.

During 2025, the Board of Management provided direction and worked closely with the Company's functional departments to implement the tasks assigned by the General Meeting of Shareholders and the Board of Directors. The activities of the executive management were conducted in a proactive and prudent manner, in full compliance with applicable laws, the Company's Charter, internal rules and regulations, and other relevant State regulations. These activities effectively leveraged collective expertise and existing capabilities, thereby contributing to the Company's development as well as the protection and enhancement of shareholders' interests.

- Các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, của HĐQT đang được Ban điều hành triển khai thực hiện theo đúng yêu cầu.

The resolutions of the General Meeting of Shareholders and the Board of Directors have been duly implemented by the Executive Management in accordance with the approved requirements.

- Ban Giám đốc Công ty là một tập thể đoàn kết thống nhất, năng động trong công tác điều hành các hoạt động sản xuất kinh doanh của Đơn vị.

The Company's Board of Management is a unified and cohesive collective, demonstrating proactiveness and effectiveness in directing and managing the Company's production and business operations.

- Ban Giám đốc Công ty đã thực hiện việc phân công nhiệm vụ đến từng thành viên trong Ban Giám đốc theo từng mảng công việc cụ thể với mục đích ổn định và thúc đẩy hoạt động sản xuất kinh doanh của Đơn vị có hiệu quả, đảm bảo công ăn việc làm cho người lao động.

The Company's Board of Management assigned specific responsibilities to each of its members by defined areas of operation, with the objective of stabilizing and enhancing the effectiveness of the Company's production and business activities, while ensuring stable employment for employees.

- Ban Giám đốc Công ty luôn tìm tòi, nghiên cứu, đề xuất đổi mới mô hình hoạt động của Đơn vị phù hợp với điều kiện thực tế. Trong công tác chỉ đạo, điều hành, đảm bảo phát huy được sáng kiến từ cơ sở và vai trò của cán bộ tham mưu, bám sát nhiệm vụ chính trị và tình hình thực tế hoạt động sản xuất kinh doanh của Đơn vị.

The Company's Board of Management consistently explored, studied, and proposed improvements to the Company's operating model in line with actual conditions. In its direction and management activities, the Board of Management ensured the promotion of grassroots initiatives and the effective role of advisory staff, while closely aligning with assigned mandates and the practical conditions of the Company's production and business operations.

4. Hoạt động của các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị/Activities of the Board of Directors' subcommittees:

- Thành viên HĐQT không điều hành vẫn duy trì chế độ họp định kỳ cùng các chế độ báo cáo bằng văn bản, bằng dữ liệu điện tử và trực tiếp khác. Các Thành viên HĐQT

không điều hành đều nằm được tình hình hoạt động và đảm bảo công tác điều hành chỉ đạo kịp thời đối với Ban điều hành Công ty.

Non-executive members of the Board of Directors maintained regular meeting schedules and reporting regimes through written reports, electronic data, and other direct communication channels. Accordingly, non-executive Board members were kept fully informed of the Company's operating conditions and were able to provide timely oversight and direction to the Executive Management.

- HĐQT Công ty đã ra quyết định bổ nhiệm Người phụ trách quản trị nội bộ Công ty tại Quyết định số 29/QĐ-PTSCDV/HĐQT ngày 30/5/2025.

The Company's Board of Directors issued a decision appointing the Officer in charge of internal corporate governance pursuant to Decision No. 29/QĐ-PTSCDV/HĐQT dated 30 May 2025.

- Thư ký Công ty thực hiện các nhiệm vụ của Hội đồng quản trị và Chủ tịch HĐQT giao.

The Company Secretary carried out the duties and responsibilities as assigned by the Board of Directors and the Chairman of the Board of Directors.

5. Các Nghị quyết/Quyết định của Hội đồng quản trị/Resolutions/Decisions of the Board of Directors:

- Trong năm 2025, Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Cảng Dịch vụ Dầu khí Đình Vũ đã tổ chức các cuộc họp, đưa ra các Nghị quyết - Quyết định liên quan đến các hoạt động XSKD của Đơn vị, cụ thể như Phụ lục 01 Danh mục các Nghị quyết, Quyết định của HĐQT năm 2025.

In 2025, the Board of Directors of Dinh Vu Petroleum Service Port Joint Stock Company convened meetings and issued resolutions and decisions relating to the Company's production and business activities, as detailed in Appendix 01 – List of the Board of Directors' Resolutions and Decisions in 2025.

III. Ban kiểm soát/Supervisory Board

1. Thông tin về Thành viên Ban kiểm soát/Information on Members of the Supervisory Board:

STT No.	Họ và tên Full name	Chức vụ Position	Ngày bắt đầu/không còn là Thành viên BKS Date of commencement / cessation of Supervisory Board members	Trình độ chuyên môn Qualification
01	Bà Hồ Thị Kim Ánh Ms. Ho Thi Kim Anh	Trưởng Ban KS Head of the Supervisory Board	Bổ nhiệm từ 21/04/2023 Appointed from 21 April 2023	Cử nhân tài chính ngân hàng, CMA Bachelor's degree in Finance and Banking; CMA
02	Bà Đặng Kiều Anh Ms. Dang Kieu Anh	Ủy viên Member	Bổ nhiệm từ 03/06/2022 Appointed from 03 June 2022	Thạc sỹ quản lý kinh tế, Cử nhân tài chính doanh nghiệp, Cử nhân văn hóa du lịch Master's degree in Economic

				<i>Management; Bachelor's degree in Corporate Finance; Bachelor's degree in Culture and Tourism</i>
03	Ông Lê Thanh Tú <i>Mr. Le Thanh Tu</i>	Ủy viên <i>Member</i>	Bổ nhiệm từ 28/06/2024 <i>Appointed from 28 June 2024</i>	Thạc sỹ quản trị kinh doanh, Kỹ sư công trình thủy <i>Master's degree in Business Administration; Bachelor's degree in Hydraulic Engineering</i>

2. Cuộc họp của Ban kiểm soát:

STT No.	Thành viên Ban Kiểm soát <i>Supervisory Board Members</i>	Số buổi họp tham dự <i>Number of meetings attended</i>	Tỷ lệ tham dự họp <i>Attendance rate</i>	Tỷ lệ biểu quyết <i>Voting rate</i>	Lý do không tham dự <i>Reasons for absence</i>
01	Bà Hồ Thị Kim Ánh <i>Ms. Ho Thi Kim Anh</i>	04	80%	80%	Nghỉ chế độ <i>On statutory leave</i>
02	Bà Đặng Kiều Anh <i>Ms. Dang Kieu Anh</i>	05	100%	100%	
03	Ông Lê Thanh Tú <i>Mr. Le Thanh Tu</i>	05	100%	100%	

3. Hoạt động giám sát của Ban Kiểm soát đối với HĐQT, Giám đốc: thực hiện theo quy định của Công ty/*Supervising Board of Directors, Board of Management and shareholders by Supervisory Board.*

Căn cứ quyền hạn và trách nhiệm của Ban Kiểm soát theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty, nhiệm vụ và kế hoạch công tác đã được ĐHĐCĐ thường niên năm 2025 thông qua, Ban Kiểm soát đã thực hiện công tác giám sát trong năm 2025 theo các nội dung sau đây:

Based on the powers and responsibilities of the Supervisory Board as prescribed by the Law on Enterprises, the Company's Charter, and the duties and work plan approved by the 2025 Annual General Meeting of Shareholders, the Supervisory Board carried out its supervisory activities in 2025 with respect to the following matters:

- Giám sát tình hình thực hiện Nghị quyết của ĐHĐCĐ thường niên năm 2025, tình hình chấp hành Điều lệ Công ty, pháp luật Nhà nước có liên quan;

Supervision of the implementation of the resolutions of the 2025 Annual General Meeting of Shareholders, as well as compliance with the Company's Charter and relevant State laws and regulations;

- Giám sát tình hình thực hiện Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2025. Giám sát tình hình tài chính, tình hình quản lý, sử dụng vốn, đánh giá hiệu quả doanh nghiệp, khả năng thanh toán nợ, tình hình bảo toàn và phát triển vốn của Công ty.

Supervision of the implementation of the 2025 production and business plan; supervision of the Company's financial position, capital management and utilization, assessment of business performance, debt repayment capacity, and the preservation and development of the Company's capital.

- Thẩm định Báo cáo tài chính, lập Báo cáo về hoạt động của Ban Kiểm soát năm 2024 và Kế hoạch năm 2025 trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025.

Review of the financial statements; preparation of the report on the Supervisory Board's activities for 2024 and the work plan for 2025, submitted to the 2025 Annual General Meeting of Shareholders.

- Giám sát tình hình thực hiện các hoạt động đầu tư và các dự án trọng điểm mà Công ty thực hiện.

Supervision of the implementation of the Company's investment activities and the execution of key and strategic projects.

- Rà soát và đánh giá hiệu lực, hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ, quản lý rủi ro và cảnh báo sớm của Công ty.

Review and evaluation of the adequacy, effectiveness, and efficiency of the Company's internal control system, risk management framework, and early warning mechanisms.

- Giám sát về giao dịch giữa Công ty với thành viên HĐQT, Giám đốc, người điều hành doanh nghiệp và người có liên quan của các đối tượng này;

Supervision of transactions between the Company and members of the Board of Directors, the General Director, other executive officers, and their related parties;

- Giám sát tình hình thực hiện kiến nghị của các đoàn kiểm tra của cơ quan chức năng Nhà nước. Phối hợp với các cơ quan chức năng của Nhà nước và chủ sở hữu trong việc kiểm tra, giám sát công tác quản lý tại Công ty.

Supervision of the implementation of recommendations issued by State authorities' inspection teams; coordination with competent State authorities and the owner in inspection and supervision of the Company's management activities;

- Phối hợp với Hội đồng quản trị, Giám đốc Công ty trong việc quản lý vốn Chủ sở hữu.

Coordination with the Board of Directors and the General Director in the management of the owner's capital;

- Phối hợp với cơ quan chức năng Nhà nước, cổ đông trong việc kiểm tra, giám sát công tác quản lý tại Công ty;

Coordination with competent State authorities and shareholders in inspection and supervision of the Company's management activities.

Qua công tác giám sát và đánh giá doanh nghiệp trong kỳ, Ban Kiểm soát đã có kiến nghị gửi đến HĐQT và Ban điều hành trong công tác quản lý, điều hành sản xuất kinh doanh.

Based on its supervisory and assessment activities during the reporting period, the Supervisory Board submitted recommendations to the Board of Directors and the Executive Management regarding the management and operation of the Company's production and business activities.

4. Sự phối hợp hoạt động giữa BKS và hoạt động của HĐQT/Ban Giám đốc điều hành/*The coordination among the the coordination among the Supervisory Board, the Board of Management, Board of Directors and other managers,*

- Ban Kiểm soát Công ty đã phối hợp với Hội đồng quản trị Công ty, Ban Giám đốc trong việc thực hiện chức năng nhiệm vụ được giao, phối hợp trong hoạt động giám sát và kiểm soát nội bộ, phối hợp trong việc quản lý vốn chủ sở hữu.

The Company's Supervisory Board coordinated with the Board of Directors and the Board of Management in the performance of its assigned duties, including cooperation in supervisory activities, internal control, and the management of the owner's equity capital.

- Hội đồng quản trị Công ty và Ban Giám đốc đã tạo điều kiện thuận lợi, cung cấp các thông tin và tài liệu cần thiết để Ban Kiểm soát thực hiện nhiệm vụ theo quy định.

The Board of Directors and the Board of Management facilitated the Supervisory Board by providing timely and adequate information and documentation necessary for the performance of its duties in accordance with applicable regulations.

- Các báo cáo giám sát, đánh giá doanh nghiệp của Ban Kiểm soát đều được gửi tới Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc.

All supervisory and corporate assessment reports prepared by the Supervisory Board were duly submitted to the Board of Directors and the Board of Management.

5. Hoạt động khác của BKS/Other activities of the Supervisory Board: Không/None

IV. Ban điều hành/Board of Management

STT No.	Họ và tên Full name	Ngày tháng năm sinh Date of birth	Trình độ chuyên môn Qualification	Ngày bổ nhiệm /miễn nhiệm Date of appointment / dismissal
01	Ông Nguyễn Chí Trung Mr. Nguyen Chi Trung	12/11/1972	Cử nhân ngoại ngữ, Kỹ sư ĐKTB, Thạc sỹ QTKD <i>Bachelor's degree in Foreign Languages; Bachelor's degree in Instrumentation and Control Engineering; Master's degree in Business Administration</i>	Bổ nhiệm ngày 28/06/2024 <i>Appointed on 28 June 2024</i>
02	Ông Vũ Ngọc Phách Mr. Vu Ngoc Phach	14/12/1972	Cử nhân chính trị, cử nhân kinh tế, Kỹ sư vô tuyến điện <i>Bachelor's degree in Political Science; Bachelor's degree in Economics; Bachelor's degree in Radio Engineering</i>	Bổ nhiệm ngày 26/12/2017 <i>Appointed on 26 December 2017</i>
03	Ông Vũ Văn Hùng Mr. Vu Van Hung	12/08/1969	Cử nhân kinh tế tài chính <i>Bachelor's degree in Financial</i>	Bổ nhiệm ngày 26/12/2017 <i>Appointed on 26 December 2017</i>

			Economics	
--	--	--	-----------	--

V. Kế toán trưởng

STT No.	Họ và tên Full name	Ngày tháng năm sinh Date of birth	Trình độ chuyên môn Qualification	Ngày bổ nhiệm /miễn nhiệm Date of appointment / dismissal
01	Ông Đặng Kiên Nghiệp Mr. Dang Kien Nghiep	01/10/1980	Cử nhân kinh tế/Thạc sỹ QTKD <i>Bachelor's degree in Economics ,Master's degree in Business Administration</i>	Bổ nhiệm ngày 26/12/2017 <i>Appointed on 26 December 2017</i>

VI. Đào tạo về quản trị công ty/Training on Corporate Governance: không/none

VII. Danh sách về người có liên quan của công ty đại chúng và giao dịch của người có liên quan của công ty với chính Công ty: Theo quy định tại Khoản 23 Điều 4 Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 và khoản 45 và 46, Điều 4 Luật chứng khoán số 54/2019/QH14.

List of related persons of the public company and transactions between related persons and the Company: Pursuant to Clause 23, Article 4 of the Law on Enterprises No. 59/2020/QH14, and Clauses 45 and 46, Article 4 of the Law on Securities No. 54/2019/QH14.

1. Danh sách về người có liên quan của công ty: Chi tiết như Phụ lục 02

List of related persons of the Company: Details are provided in Appendix 02.

2. Giao dịch giữa Công ty với người có liên quan của Công ty: Chi tiết như Phụ lục 03

Transactions between the Company and its related persons: Details are provided in Appendix 03.

3. Giao dịch giữa người nội bộ công ty, người có liên quan của người nội bộ với công ty con, công ty do công ty nắm quyền kiểm soát: Không có giao dịch

Transactions between internal persons of the Company, their related persons, and subsidiaries or companies under the Company's control: None.

4. Giao dịch giữa Công ty với các đối tượng khác: Chi tiết như Phụ lục 04

Transactions between the Company and other entities: Details are provided in Appendix 04.

4.1 Giao dịch giữa Công ty với Công ty mà Thành viên HĐQT, thành viên BKS, Giám đốc và người quản lý đã và đang là thành viên sáng lập hoặc thành viên HĐQT, Giám đốc (Tổng Giám đốc) điều hành trong thời gian ba (03) năm trở lại đây (tính tại thời điểm lập báo cáo).

Transactions between the Company and companies in which members of the Board of Directors, members of the Supervisory Board, the General Director, or other managers have been or are founders, members of the Board of Directors, or executive directors/chief executive officers during the past three (03) years (as of the reporting date).

4.2 Giao dịch giữa công ty với công ty mà người có liên quan của thành viên HĐQT, thành viên Ban Kiểm soát, Giám đốc và người quản lý khác là thành viên HĐQT, Giám đốc điều hành: Không có giao dịch

Transactions between the Company and companies in which related persons of members of the Board of Directors, members of the Supervisory Board, the General Director, or other managers serve as members of the Board of Directors or executive directors: None

4.3 Các giao dịch khác của công ty (nếu có) có thể mang lại lợi ích vật chất hoặc phi vật chất đối với thành viên HĐQT, thành viên Ban Kiểm soát, Giám đốc và người quản lý khác: Không có giao dịch

Other transactions of the Company (if any) that may generate material or non-material benefits for members of the Board of Directors, members of the Supervisory Board, the General Director, or other managers: None.

VIII. Giao dịch cổ phiếu của người nội bộ và người liên quan của người nội bộ/
Share transactions of internal persons and their related persons:

1. Danh sách người nội bộ và người có liên quan (HĐQT, Ban Kiểm soát, Ban Giám đốc, Kế toán trưởng, Người được ủy quyền công bố thông tin, Người quản trị nội bộ) Chi tiết như Phụ lục 05

List of internal persons and related persons (including members of the Board of Directors, members of the Supervisory Board, the Board of Management, the Chief Accountant, the authorized information disclosure officer, and the internal corporate governance officer): Details are provided in Appendix 05.

2. Giao dịch của người nội bộ và người có liên quan đối với cổ phiếu của công ty: Không có giao dịch

Share transactions by internal persons and their related persons in respect of the Company's shares: None.

IX. Các vấn đề lưu ý khác/Other significant issues: không/ None

Nơi nhận/ Recipients:

- Như trên/

As above;

- Thành viên HĐQT/

Members of the Board of Directors;

- Lưu Thư ký Công ty, NTH-01/

Archived by the Company Secretary, NTH-01.

ON BEHALF OF THE BOARD OF DIRECTORS

Chairman

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Chủ tịch



Nguyễn Hải Bằng

PHỤ LỤC 01/APPENDIX 01
DANH MỤC CÁC NGHỊ QUYẾT – QUYẾT ĐỊNH CỦA HĐQT NĂM 2025
(kèm theo Báo cáo quản trị năm 2025 PTSC Đình Vũ)
LIST OF RESOLUTIONS AND DECISIONS OF THE BOARD OF DIRECTORS
IN 2025
(Attached to the 2025 Corporate Governance Report of PTSC Dinh Vu)

STT <i>No.</i>	Số Nghị quyết /Quyết định <i>Resolution /</i> <i>Decision No.</i>	Ngày tháng <i>Date</i>	Nội dung <i>Contents</i>	Tỷ lệ thông qua <i>Approval</i> <i>Rate</i>
1	01/QĐ- PTSCDV- HĐQT	10/01/2025	Quyết định ban hành Điều lệ sửa đổi bổ sung Công ty Cổ phần Cảng Dịch vụ Dầu khí Đình Vũ <i>Decision on promulgation of the</i> <i>amended and supplemented Charter</i> <i>of PTSC Dinh Vu Petroleum Service</i> <i>Port Joint Stock Company</i>	100%
2	02/QĐ- PTSCDV- HĐQT	10/01/2025	Quyết định về việc phê duyệt định mức hoa hồng <i>Decision on approval of commission</i> <i>norms</i>	100%
3	03/QĐ- PTSCDV- HĐQT	10/01/2025	Quyết định về việc phê duyệt giao dịch với các bên có liên quan <i>Decision on approval of Related</i> <i>Party Transactions</i>	100%
4	13/QĐ-PTSCDV- HĐQT	18/03/2025	Quyết định về việc tổ chức ĐHĐCĐ 2025 <i>Decision on organization of the 2025</i> <i>Annual General Meeting of</i> <i>Shareholders</i>	100%
5	14-18/ PTSCDV- HĐQT	16/04/2025	Phiếu lấy ý kiến thông qua tài liệu ĐHĐCĐ 2025 <i>Written opinions for approval of</i> <i>documents of the 2025 Annual</i> <i>General Meeting of Shareholders</i>	100%

6	20/ QĐ-PTSCDV-HĐQT	18/04/2025	Quyết định thông qua tài liệu ĐHĐCĐ 2025 <i>Decision approving documents of the 2025 Annual General Meeting of Shareholders</i>	100%
7	27/NQ-PTSCDV-HĐQT	30/05/2025	Nghị quyết cuộc họp HĐQT Công ty Quý 02/2025 <i>Resolution of the Board of Directors' Meeting – Quarter II/2025</i>	100%
8	28/QĐ-PTSCDV-HĐQT	30/05/2025	Quyết định giao KH SXKD năm 2025 <i>Decision assigning the 2025 production and business plan</i>	100%
9	29/QĐ-PTSCDV-HĐQT	30/05/2025	Quyết định giao nhiệm vụ Người phụ trách quản trị Công ty <i>Decision assigning duties of the person in charge of corporate governance</i>	100%
10	30/QĐ-PTSCDV-HĐQT	30/05/2025	Quyết định phê duyệt ban hành Tuyên ngôn, Khẩu vị rủi ro <i>Decision approving and promulgating the Risk Appetite Statement</i>	100%
11	34/QĐ-PTSCDV-HĐQT	30/5/2025	Quyết định điều chỉnh kế hoạch đầu tư DA trạm cân điện tử <i>Decision on adjustment of the investment plan for the electronic weighbridge project</i>	100%
12	38/ NQ-PTSCDV-HĐQT	23/06/2025	Nghị quyết thông qua việc cử người Đại diện vốn tại PVC Duyên Hải <i>Resolution approving the appointment of capital representative at PVC Duyên Hai</i>	100%
13	45/QĐ- PTSCDV-HĐQT	18/7/2025	Quyết định thông qua phê duyệt kết quả lựa chọn Đơn vị thực hiện báo cáo kiểm toán 2025	100%

			<i>Decision approving the results of selection of the 2025 audit service provider</i>	
14	50/NQ-PTSCVD-HĐQT	13/8/2025	Nghị quyết cuộc họp HĐQT Công ty Quý 03/2025 <i>Resolution of the Board of Directors' Meeting – Quarter III/2025</i>	100%
15	54/QĐ-PTSCDV-HĐQT	13/08/2025	Quyết định phê duyệt định mức hành chính, quản trị <i>Decision approving administrative and management norms</i>	100%
16	55/QĐ-PTSCDV-HĐQT	13/08/2025	Quyết định phê duyệt Phương án thưởng BDH năm 2024 <i>Decision approving the bonus scheme for Executive Management for 2024</i>	100%
17	56/QĐ-PTSCDV-HĐQT	13/08/2025	Quyết định phê duyệt Phương án điều chỉnh góp vốn của Pro Conco năm 2011 <i>Decision approving adjustment of the capital contribution plan of Pro Conco (2011)</i>	100%
18	57/QĐ-PTSCDV-HĐQT	13/08/2025	Quyết định phê duyệt ban hành Quy chế quản lý nợ <i>Decision promulgating the Debt Management Regulation</i>	100%
19	60/NQ- PTSCDV-HĐQT	21/8/2025	Nghị quyết cuộc họp HĐQT Công ty ngày 13/08/2025 <i>Resolution of the Board of Directors' Meeting dated 13 August 2025</i>	100%
20	61/QĐ-PTSCDV-HĐQT	22/8/2025	QĐ bổ nhiệm Giám đốc Công ty <i>Decision on appointment of the Company's Director</i>	100%
21	62/QĐ- PTSCDV-HĐQT	22/8/2025	QĐ thay đổi người đại diện pháp luật	100%

			<i>Decision on change of the legal representative</i>	
22	69/BB-PTSCDV-HĐQT	14/9/2025	Quyết định thông qua tài liệu ĐHĐCĐ bất thường 2025 <i>Decision approving documents of the Extraordinary General Meeting of Shareholders 2025</i>	100%
23	71/QĐ-PTSCDV-HĐQT	14/10/2025	Quyết định ban hành điều lệ Công ty Cổ phần Cảng DVĐK Đình Vũ lần 08 <i>Decision promulgating the Charter of PTSC Dinh Vu Petroleum Service Port Joint Stock Company (8th issuance)</i>	100%
24	74/NQ-PTSCDV-HĐQT	31/12/2025	Nghị quyết của cuộc họp HĐQT Công ty Quý 04/2025 <i>Resolution of the Board of Directors' Meeting – Quarter IV/2025</i>	100%
25	75/QĐ-PTSCDV-HĐQT	31/12/2025	Quyết định về giao dịch với người có liên quan <i>Decision on Related Party Transactions</i>	100%
26	76/QĐ-PTSCDV-HĐQT	31/12/2025	Quyết định về chuyển xếp lương cho Giám đốc Công ty <i>Decision on salary grade adjustment for the Company's Director</i>	100%
27	77/QĐ-PTSCDV-HĐQT	31/12/2025	Quyết định về việc bổ sung Kế hoạch đầu tư XD CB năm 2025 <i>Decision on supplementation of the 2025 capital construction investment plan</i>	100%

PHỤ LỤC 02/APPENDIX 02
DANH SÁCH VỀ NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN CỦA CÔNG TY
(kèm theo Báo cáo quản trị năm 2025 PTSC Đình Vũ)
LIST OF RELATED PARTIES OF THE COMPANY
(Attached to the 2025 Corporate Governance Report of PTSC Dinh Vu)

TT No.	Tên Tổ Chức/cá nhân <i>Name of organization/individual</i>	Tài khoản giao dịch chứng khoán <i>(nếu có)</i> <i>Securities trading account (if any)</i>	Chức vụ tại công ty <i>(nếu có)</i> <i>Position in the Company (if any)</i>	Số Giấy NSH*, ngày cấp, nơi cấp <i>Owner's ID No. *, Date and Place of Issue</i>	Địa chỉ trụ sở chính/Địa chỉ liên hệ <i>Registered Address / Contact Address</i>	Thời điểm bắt đầu là người có liên quan <i>Date of Becoming a Related Person</i>	Thời điểm không còn là người có liên quan <i>Date of Cessation as a Related Person</i>	Lý do <i>Reason</i>	Mối quan hệ liên quan với công ty <i>Relationship with the Company</i>
I	Tổ Chức/Organization								
01	Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam <i>PetroVietnam Technical Services Corporation</i>	Chưa có <i>None</i>		ĐKKD số 0100150577 cấp ngày 10/07/2015, Nơi cấp: Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh <i>Business Registration No. 0100150577, issued on 10 July 2015 by the Department of Planning and Investment of Ho Chi Minh</i>	Tòa nhà Petro Tower, Số 1-5 Lê Duẩn, P. Sài Gòn, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam <i>Petro Tower Building, No. 1-5 Le Duan Street, Sai Gon Ward, Ho Chi Minh City, Vietnam.</i>	10/8/2007			Cổ đông lớn, nắm giữ 51% vốn điều lệ và có 02 thành viên đại diện góp vốn tham gia HĐQT (Ông Nguyễn Hải Bằng, và ông Nguyễn Chí Trung) <i>Major shareholder holding 51% of the charter</i>

				City.					capital and having two (02) capital representatives participating in the Board of Directors (Mr. Nguyen Hai Bang and Mr. Nguyen Chi Trung).
02	Công ty cổ phần Hàng hải VSICO Vsico Shipping Joint stock company	Chưa có None		ĐKKD số 0102195421 cấp ngày 28/03/2007. Nơi cấp: Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư TP.Hà Nội Business Registration No. 0102195421, issued on 28 March 2007 by the Business Registration Office – Department of Planning and Investment of Hanoi City.	Số 9, ngõ 84, phố Ngọc Khánh, Phường Giảng Võ, TP.Hà Nội, Việt Nam No. 9, Alley 84, Ngoc Khanh Street, Giang Vo Ward, Hanoi City, Vietnam.	27/12/2024			Cổ đông lớn nắm giữ 22,1% vốn điều lệ và có 02 thành viên đại diện góp vốn tham gia HĐQT (Lê Trọng Quân và Ông Trần Bùi Quang Long). Major shareholder holding 22.1% of the charter capital and having two (02) capital representatives participating in the Board

									of Directors (Mr. Le Trong Quan and Mr. Tran Bui Quang Long).
03	Công ty cổ phần Việt - Pháp Sản xuất thức ăn Gia súc <i>Vietnamese – French Cattle Feed Joint stock company</i>	Chưa có <i>None</i>		ĐKKD số 3600234534 cấp ngày 17/05/2018 tại Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Đồng Nai <i>Business Registration No. 3600234534, issued on 17 May 2018 by the Department of Planning and Investment of Dong Nai Province.</i>	Đường số 9, KCN Biên Hòa 1, phường Trăn Biên, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam <i>No. 9 Street, Bien Hoa 1 Industrial Park, Tran Bien Ward, Dong Nai Province, Vietnam.</i>	04/2009			Cổ đông lớn nắm giữ 5,41% vốn điều lệ <i>Major shareholder holding 5.41% of the charter capital.</i>
04	Công ty Cổ phần Hải Minh <i>Hai Minh Corporation</i>	Chưa có <i>None</i>		ĐKKD số 4103000801 do Sở Kế hoạch Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp ngày 30 tháng 05 năm 2017. <i>Business Registration No. 4103000801, issued on 30 May 2017 by the Department of Planning and Investment of</i>	Tầng 17 tòa nhà Pearl plaza, 561A Điện Biên Phủ, P. Thạnh Mỹ Tây, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam <i>17th Floor, Pearl Plaza Building, 561A Dien Bien Phu Street, Thanh</i>	04/11/2024			Cổ đông lớn nắm giữ 3,27% vốn điều lệ <i>Major shareholder holding 3.27% of the charter capital.</i>

				Ho Chi Minh City.	My Tay Ward, Ho Chi Minh City, Vietnam.				
II	Hội đồng quản trị/ Board of Directors								
1	Nguyễn Hải Bằng	45050538	Chủ tịch HĐQT <i>Chairman</i>	001074040828 cấp ngày 09/06/2023 tại Cục cảnh sát QLHC về TTXH ID No. <i>001074040828 – issued on 09 June 2023 by C06 (Ministry of Public Security).</i>	P2001, B4 Kim Liên, TP.Hà Nội <i>P2001, B4 Kim Lien, Hanoi, Vietnam.</i>	28/06/2024		Được bổ nhiệm <i>Appointed</i>	Đại diện góp vốn của Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam, CT HĐQT <i>Capital Representative of PetroVietnam Technical Services Corporation (PTSC), Chairman</i>
1.1	Dương Thị Thu Hân	Chưa có <i>None</i>	Không <i>None</i>	025182011441 cấp ngày 24/07/2021 tại Cục cảnh sát QLHC về TTXH ID No. <i>025182011441, issued on 24 July 2021 by C06 – Ministry of Public Security</i>	P2001, B4 Kim Liên, TP.Hà Nội <i>P2001, B4 Kim Lien, Hanoi, Vietnam.</i>	28/06/2024			Vợ <i>Wife</i>

1.2	Nguyễn Châu Anh	Chưa có None	Không None	031304002492 cấp ngày 20/7/2021 tại Cục cảnh sát QLHC về TTXH ID No. 031304002492, issued on 20 July 2021 by C06 – Ministry of Public Security.	P2001, B4 Kim Liên, TP.Hà Nội P2001, B4 Kim Lien, Hanoi, Vietnam.	28/06/2024			Con đẻ Biological child
1.3	Nguyễn Hà Phương	Chưa có None	Không None	031308007768 cấp ngày 25/10/2022 tại Cục cảnh sát QLHC về TTXH ID No. 031308007768, issued on 25 October 2022 by C06 – Ministry of Public Security.	P2001, B4 Kim Liên, TP.Hà Nội P2001, B4 Kim Lien, Hanoi, Vietnam.	28/06/2024			Con đẻ Biological child
1.4	Nguyễn Hải Bình	Chưa có None	Không None	001074040828 cấp ngày 09/06/2023 tại Cục cảnh sát QLHC về TTXH ID No. 001074040828, issued on 09 June 2023 by	P2001, B4 Kim Liên, TP.Hà Nội P2001, B4 Kim Lien, Hanoi, Vietnam.	28/06/2024			Con đẻ Biological child

				<i>C06 – Ministry of Public Security.</i>					
1.5	Trương Thị Phương Dung	Chưa có <i>None</i>	Không <i>None</i>	038141007938 cấp ngày 31/08/2021 tại Cục cảnh sát QLHC về TTXH ID No. 038141007938, issued on 31 August 2021 by C06 – Ministry of Public Security.	27 Văn Cao, P. Gia viên, TP.Hải Phòng No. 27 Van Cao Street, Gia Vien Ward, Hai Phong City, Vietnam.	28/06/2024			Mẹ đẻ <i>Mother</i>
1.6	Nguyễn Hải Ba	Chưa có <i>None</i>	Không <i>None</i>	0310690004718 cấp ngày 12/08/2021, Cục cảnh sát QLHC về TTXH ID No. 0310690004718, issued on 12 August 2021 by C06 – Ministry of Public Security.	09 Tô Vũ, P. Gia Viên, TP.Hải Phòng No. 09 To Vu Street, Gia Vien Ward, Hai Phong City, Vietnam.	28/06/2024			Anh ruột <i>Older brother</i>
1.7	Dương Vĩnh Tường	Chưa có <i>None</i>	Không <i>None</i>	025047000778 cấp ngày 25/04/2021 tại Cục cảnh sát QLHC về TTXH ID No. 025047000778, issued on 25	Khu 8, Đại Phạm, Tỉnh Phú Thọ Zone 8, Dai Pham Commune, Phu Tho Province, Vietnam.	28/06/2024			Bố vợ <i>Father-in-law</i>

				April 2021 by C06 – Ministry of Public Security.					
1.8	Lương Thị Phiến	Chưa có None	Không None	015147000181 cấp ngày 16/04/2021 tại Cục cảnh sát QLHC về TTXH ID No. 015147000181, issued on 16 April 2021 by C06 – Ministry of Public Security.	Khu 8, Đại Phạm, Tỉnh Phú Thọ Zone 8, Dai Pham Commune, Phu Tho Province, Vietnam.	28/06/2024			Mẹ vợ Mother-in- law
1.9	Ngô Kiều Anh	Chưa có None	Không None	038171012373 cấp ngày 23/04/2021, Cục cảnh sát QLHC về TTXH ID No. 038171012373, issued on 23 April 2021 by C06 – Ministry of Public Security.	09/193 Xóm Trung, Ngõ Quyên, TP.Hải PhòngNo. 09/193, Xom Trung, Ngo Quyên District, Hai Phong City, Vietnam.	28/06/2024			Chị dâu Sister-in-law
	Tổ Chức/Organization								
1.9	Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam PetroVietnam Technical Services Corporation			ĐKKD số 0100150577 cấp ngày 10/07/2015, Nơi cấp: Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí	Tòa nhà Petro Tower, Số 1-5 Lê Duẩn, P. Sài Gòn, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam	28/06/2024			Người Đại diện phần vốn góp Capital Representati ve

				Minh Business Registration No. 0100150577, issued on 10 July 2015 by the Ho Chi Minh City Department of Planning and Investment.	Petro Tower Building, No. 1–5 Le Duan Street, Sai Gon Ward, Ho Chi Minh City, Vietnam.				
1.10	Công ty Cổ phần Cảng Dịch vụ Dầu khí Đình Vũ <i>Dinhvu Petroleum Services port Joint stock Company</i>			ĐKKD số 0200754420 cấp lần 08 ngày 20/11/2025. Nơi cấp: Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư TP.Hải Phòng Business Registration No. 0200754420 (8th issuance), issued on 20 November 2025 by the Business Registration Office – Hai Phong Department of Planning and Investment.	KCN Đình Vũ, Phường Đông Hải, TP.Hải Phòng, Việt Nam <i>Dinh Vu Industrial Zone, Dong Hai Ward, Hai Phong, Vietnam</i>	28/06/2024			Chủ tịch HĐQT <i>Chairman of the Board of Directors</i>
2	Nguyễn Hữu Hoan	Chưa có <i>None</i>	Thành viên HĐQT <i>Member of the Board of</i>	038080010877 cấp ngày 05/08/2022 tại Cục Cảnh sát QLHC về TTXH.	02/103 Lý Nam Đế, phường Hạc Thành, tỉnh Thanh Hóa No. 02/103 Ly	06/10/2025		Được bổ nhiệm <i>Appointed</i>	TVHĐQT <i>Member of the Board of Director</i>

			Director	ID No. 038080010877, issued on 05 August 2022 by C06 – Ministry of Public Security.	Nam De Street, Hac Thanh Ward, Thanh Hoa Province, Vietnam.				
2.1	Nguyễn Hữu Tuân	Chưa có None	Không None	038045001756 cấp ngày 04/12/2021 tại Cục Cảnh sát QLHC về TTXH ID No. 038045001756, issued on 04 December 2021 by C06 – Ministry of Public Security.	Số 06B/23, Ngô Quyền, Điện Biên, Thanh Hóa No. 06B/23, Ngo Quyen Street, Dien Bien Ward, Thanh Hoa Province, Vietnam.	06/10/2025			Bố đẻ Father
2.2	Nguyễn Thị Hòe								Mẹ đẻ đã mất Mother, Deceased
2.3	Đặng Thị Thùy Dung	Chưa có None	Không None	038180038080 cấp ngày 14/8/2021 tại Cục Cảnh sát QLHC về TTXH ID No. 038180038080, issued on 14	Số 06B/23, Ngô Quyền, Điện Biên, Thanh Hóa No. 06B/23, Ngo Quyen Street, Dien Bien Ward,	06/10/2025			Vợ Wife

				August 2021 by C06 – Ministry of Public Security.	Thanh Hoa Province, Vietnam.				
2.4	Nguyễn Khánh Linh	Chưa có None	Không None	038305015101 cấp ngày 17/5/2021 tại Cục Cảnh sát QLHC về TTXHID No. 038305015101, issued on 17 May 2021 by C06 – Ministry of Public Security.	Số 06B/23, Ngô Quyền, Điện Biên, Thanh Hóa No. 06B/23, Ngo Quyen Street, Dien Bien Ward, Thanh Hoa Province, Vietnam.	06/10/2025			Con đẻ Biological child
2.5	Nguyễn Thiên Hương	Chưa có None	Không None	038310019999 cấp ngày 09/09/2024 tại Cục Cảnh sát QLHC về TTXH ID No. 038310019999, issued on 09 September 2024 by C06 – Ministry of Public Security.	Số 02/103 Lý Nam Đế, Hạc Thành, Thanh Hóa. No. 02/103 Ly Nam De Street, Hac Thanh Ward, Thanh Hoa Province, Vietnam.	06/10/2025			Con đẻ Biological child
2.6	Nguyễn Hà Trung	Chưa có None	Không None	038075028918 cấp ngày 16/12/2021 tại Cục Cảnh sát QLHC về TTXH	Số 128, Đông Khôi, Hàm Rồng, Thanh Hóa No. 128, Dong Khoi, Ham	06/10/2025			Anh trai Older brother

				<i>ID No. 038075028918, issued on 16 December 2021 by C06 – Ministry of Public Security.</i>	<i>Rong Ward, Thanh Hoa Province, Vietnam.</i>				
2.7	Nguyễn Thị Bích Hiền	Chưa có None	Không None	038178041259 cấp ngày 04/04/2022 tại Cục Cảnh sát QLHC về TTXH <i>ID No. 038178041259, issued on 04 April 2022 by C06 – Ministry of Public Security.</i>	Số 8, ngách 127/50 Văn Cao, Liễu Giai, Ba Đình, TP.Hà NộiNo. 8, Alley 127/50 Van Cao Street, Lieu Giai Ward, Ba Dinh District, Hanoi City, Vietnam.	06/10/2025			Chị gái Older sister
2.8	Nguyễn Thị Hồng	Chưa có None	Không None	038186037017 cấp ngày 01/07/2022 tại Cục Cảnh sát QLHC về TTXH <i>ID No. 038186037017, issued on 01 July 2022 by C06 – Ministry of Public Security.</i>	Số 6 ngách 112/97, Ngọc Khánh, Giảng Võ, Ba Đình, TP.Hà Nội No. 6, Alley 112/97 Ngoc Khanh Street, Giang Vo Ward, Ba Dinh District, Hanoi City, Vietnam.	06/10/2025			Em gái Younger sister

2.9	Đặng Quang Ba	Chưa có None	Không None	038045000182 cấp ngày 28/6/2021 tại Cục Cảnh sát QLHC về TTXH ID No. 038045000182, issued on 28 June 2021 by C06 – Ministry of Public Security.	Số 64 Nguyên Hong, Tân Son, Thanh Hóa No. 64 Nguyen Hong Street, Tan Son Ward, Thanh Hoa Province, Vietnam.	06/10/2025			Bố vợ Father-in- law
2.10	Phạm Thị Ngân	Chưa có None	Không None	038150000670 cấp ngày 08/08/2021 tại Cục Cảnh sát QLHC về TTXH ID No. 038150000670, issued on 08 August 2021 by C06 – Ministry of Public Security.	Số 64 Nguyên Hong, Tân Son, Thanh Hóa No. 64 Nguyen Hong Street, Tan Son Ward, Thanh Hoa Province, Vietnam.	06/10/2025			Mẹ vợ Mother-in- law
2.11	Lê Thị Hà	Chưa có None	Không None	038180010823 cấp ngày 04/01/2021 tại Cục Cảnh sát QLHC về TTXH ID No. 038180010823, issued on 04 January 2021 by C06 – Ministry of	Số 06B/23, Ngô Quyền, Điện Biên, Thanh Hóa No. 06B/23, Ngo Quyen Street, Dien Bien Ward, Thanh Hoa Province, Vietnam.	06/10/2025			Chị dâu Sister-in-law

				<i>Public Security.</i>					
2.12	Trịnh Đình Huy	Chưa có <i>None</i>	Không <i>None</i>	031083004789 cấp ngày 06/06/2023 tại Cục Cảnh sát QLHC về TTXH ID No. 031083004789, issued on 06 June 2023 by C06 – Ministry of Public Security.	P801, CC Ngõ 699 Trương Định, Hoàng Mai, TP.Hà Nội Apartment P801, Alley 699 Truong Dinh Street, Hoang Mai District, Hanoi City, Vietnam.	06/10/2025			Em rể <i>Brother-in-law</i>
	<i>Tổ Chức/Organization</i>								
2.13	Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật PTSC Thanh Hóa <i>PTSC Thanh Hoa Technical Services Company</i>			ĐKKD số 2801448559 cấp ngày 03/11/2009, Nơi cấp: Sở Sở Tài chính tỉnh Thanh Hóa	Số 268 Trần Nhật Duật, Trúc Lâm, Thanh Hóa, Việt Nam <i>No. 268 Tran Nhat Duat Street, Truc Lam Ward, Thanh Hoa Province</i>	06/10/2025			Phó Giám đốc <i>Deputy Director</i>
2.14	Công ty Cổ phần Cảng Dịch vụ Dầu khí Đình Vũ <i>Dinhvu Petroleum Services port Joint stock Company</i>			ĐKKD số 0200754420 cấp lần 08 ngày 20/11/2025. Nơi cấp: Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư TP.Hải Phòng <i>Registration No. 0200754420 (8th issuance), issued on 20</i>	KCN Đình Vũ, Phường Đông Hải, TP.Hải Phòng, Việt Nam <i>Dinh Vu Industrial Zone, Dong Hai Ward, Hai Phong, Vietnam</i>	06/10/2025			Thành viên HĐQT <i>Member of the Board of Director</i>

				November 2025 by the Business Registration Office – Hai Phong Department of Planning and Investment.					
3	Lê Trọng Quân	Chưa có None	Thành viên HĐQT Member of the Board of Director	001076025751 Ngày cấp: 10/07/2021 tại Cục CSQLHC về TTXH ID No. 001076025751, issued on 10 July 2021 by C06 – Ministry of Public Security.	14 Ngách 116 Ngõ Trại Cá, Đường Trường Định, Phường Tương Mai, TP.Hà Nội No. 14, Alley 116, Trai Ca Lane, Truong Dinh Street, Tuong Mai Ward, Hanoi City, Vietnam.	27/12/2024		Được bổ nhiệm Appointed	Đại diện góp vốn của Công ty cổ phần Hàng Hải VSICO, TVHĐQT Capital Representati ve of VSICO Maritime Joint Stock Company, Member of the Board of Directors.
3.1	Lê Trọng Hải	Chưa có None	Không None	001045005674 Ngày cấp: 19/04/2021 tại Cục CSQLHC về TTXH ID No. 001045005674, issued on 19 April 2021 by	14 Ngách 116 Ngõ Trại Cá, Đường Trường Định, Phường T.Mai , TP.Hà Nội	27/12/2024			Bố đẻ Father

				<i>C06 – Ministry of Public Security.</i>	<i>No. 14, Alley 116, Trai Ca Lane, Truong Dinh Street, Tuong Mai Ward, Hanoi City, Vietnam.</i>				
3.2	Bùi Thị Tài	Chưa có <i>None</i>	Không <i>None</i>	001150012251 Ngày cấp: 19/04/2021 tại Cục CSQHHC về TTXH <i>ID No. 001150012251, issued on 19 April 2021 by C06 – Ministry of Public Security.</i>	14 Ngách 116 Ngõ Trại Cá, Đường Trường Định, Phường T.Mai, TP.Hà Nội <i>No. 14, Alley 116, Trai Ca Lane, Truong Dinh Street, Tuong Mai Ward, Hanoi City, Vietnam.</i>	27/12/2024			Mẹ đẻ <i>Mother</i>
3.3	Nguyễn Quang Dật	Chưa có <i>None</i>	Không <i>None</i>	001054001308 Ngày cấp: 29/04/2021 tại Cục CSQHHC về TTXH <i>ID No. 001054001308, issued on 29 April 2021 by</i>	146 Ngõ Trại Cá, Đường Trương Định, Phường Tương Mai, TP.Hà Nội <i>No. 14, Alley 116, Trai Ca Lane, Truong</i>	27/12/2024			Bố vợ <i>Father-in-law</i>

				<i>C06 – Ministry of Public Security.</i>	<i>Dinh Street, Tuong Mai Ward, Hanoi City, Vietnam.</i>				
3.4	Lê Thị Sinh	Chưa có <i>None</i>	Không <i>None</i>	001156014745 Ngày cấp: 14/04/2021 tại Cục CSQLHC về TTXH <i>ID No. 001156014745, issued on 14 April 2021 by C06 – Ministry of Public Security.</i>	146 Ngõ Trại Cá, Đường Trương Định, Phường Tương Mai, TP.Hà Nội <i>No. 146, Trai Ca Lane, Truong Dinh Street, Tuong Mai Ward, Hanoi City, Vietnam.</i>	27/12/2024			Mẹ vợ <i>Mother-in-law</i>
3.5	Nguyễn Thị Hoa	Chưa có <i>None</i>	Không <i>None</i>	001176026033 Ngày cấp: 10/07/2021 tại Cục CSQLHC về TTXH <i>ID No. 001176026033, issued on 10 July 2021 by C06 – Ministry of Public Security.</i>	14 Ngách 116 Ngõ Trại Cá, Đường Trường Định, Phường Tương Mai, TP.Hà Nội <i>No. 14, Alley 116, Trai Ca Lane, Truong Dinh Street, Tuong Mai Ward, Hanoi City, Vietnam.</i>	27/12/2024			Vợ <i>Wife</i>
3.6	Lê Trọng Nghĩa	Chưa có	Không	001174010771	14 Ngách	27/12/2024			Con đẻ

		None	None	Ngày cấp: 10/07/2021 tại Cục CSQLHC về TTXH ID No. 001174010771, issued on 10 July 2021 by C06 – Ministry of Public Security.	116 Ngõ Trại Cá, Đường Trường Định, Phường Tương Mai, TP.Hà Nội No. 14, Alley 116, Trai Ca Lane, Truong Dinh Street, Tuong Mai Ward, Hanoi City, Vietnam.				Biological child
3.7	Lê Minh Châu	Chưa có None	Không None	001206002254 Ngày cấp: 11/06/2024 tại Cục CSQLHC về TTXH ID No. 001206002254, issued on 11 June 2024 by C06 – Ministry of Public Security.	14 Ngách 116 Ngõ Trại Cá, Đường Trường Định, Phường Tương Mai, TP.Hà Nội No. 14, Alley 116, Trai Ca Lane, Truong Dinh Street, Tuong Mai Ward, Hanoi City, Vietnam.	27/12/2024			Con đẻ Biological child
3.8	Lê Thị Liên Thủy	Chưa có None	Không None	001307034332 Ngày cấp: 01/11/2021 tại Cục CSQLHC về TTXH ID No. 001307034332,	14 Ngách 116 Ngõ Trại Cá, Đường Trường Định, Phường Tương Mai,	27/12/2024			Chị gái Older sister

				issued on 01 November 2021 by C06 – Ministry of Public Security.	TP.Hà Nội No. 14, Alley 116, Trai Ca Lane, Truong Dinh Street, Tuong Mai Ward, Hanoi City, Vietnam.				
	Tổ Chức/Organization								
3.9	Công Ty Cổ Phần Hàng Hải VSICO <i>Vsico Shipping Joint stock company</i>			ĐKKD số 0102195421 cấp ngày 28/03/2007. Nơi cấp: Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư TP TP.Hà Nội <i>Business Registration No. 0102195421, issued on 28 March 2007 by the Business Registration Office – Hanoi Department of Planning and Investment.</i>	Số 9, ngõ 84, phố Ngọc Khánh, Phường Giảng Võ, TP Hà Nội, Việt Nam <i>No. 9, Alley 84, Ngoc Khanh Street, Giang Vo Ward, Hanoi, Vietnam</i>	27/12/2024			Người Đại diện phần vốn góp <i>Capital Representative</i>
3.10	Công ty Vsico Express Miền Trung <i>Vsico Express Central Joint stock company</i>			ĐKKD số 0110978867 cấp ngày 04/03/2025. Nơi cấp: Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế	Số 9, ngõ 84, phố Ngọc Khánh, Phường Giảng Võ, TP Hà Nội, Việt Nam	04/03/2025			Chủ tịch HĐQT <i>Chairman of the Board of Directors</i>

				hoạch và Đầu tư TP Hà Nội <i>Business Registration No. 0110978867, issued on 04 March 2025 by the Business Registration Office – Hanoi Department of Planning and Investment.</i>	No. 9, Alley 84, Ngoc Khanh Street, Giang Vo Ward, Hanoi, Vietnam				
3.11	Công ty Vsico Express Hải Phòng <i>Vsico Express Hai Phong Joint stock company</i>			0200587233 cấp ngày 08/06/2004. Nơi cấp: Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư TP Hà Nội <i>Business Registration No. 0200587233, issued on 08 June 2004 by the Business Registration Office – Hanoi Department of Planning and Investment.</i>	Phòng 315, Tầng 3, Tòa nhà Thành Đạt 1, Số 3 đường Lê Thánh Tông, Phường Gia Viên, TP. Hải Phòng, Việt Nam <i>Room 315, 3rd Floor, Thanh Dat 1 Building, No. 3 Le Thanh Tong Street, Gia Vien Ward, Hai Phong, Vietnam</i>	10/2025			Chủ tịch HĐQT <i>Chairman of the Board of Directors</i>
3.12	Công ty Cổ phần Cảng Dịch vụ Dầu khí Đình Vũ <i>Dinhvu Petroleum Services port Joint</i>			ĐKKD số 0200754420 cấp lần 08 ngày 20/11/2025. Nơi cấp: Phòng	KCN Đình Vũ, Phường Đông Hải, TP.Hải Phòng, Việt	27/12/2024			Thành viên HĐQT <i>Member of the Board of Directors</i>

	stock Company			Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư TP.Hải Phòng Business Registration No. 0200754420 (8th issuance), issued on 20 November 2025 by the Business Registration Office – Hai Phong Department of Planning and Investment.	Nam Dinh Vu Industrial Zone, Dong Hai Ward, Hai Phong, Vietnam				
4	Trần Bùi Quang Long	024C0474 15	Thành viên HĐQT Member of the Board of Directors	030069002524 Ngày cấp: 01/11/2021 tại Cục Cảnh sát Quản lý Hành chính ID No. 030069002524, issued on 01 November 2021 by C06 – Ministry of Public Security.	07/01/06 Ngô Gia Tự, TP.Hà Nội No. 07/01/06 Ngo Gia Tu Street, Hanoi, Vietnam.	27/12/2024		Được bổ nhiệm Appointed	Đại diện góp vốn của Công ty cổ phần Hàng Hải VSICO, TVHĐQT Capital Representative of VSICO Maritime Joint Stock Company, Member of the Board of Directors.
4.1	Trần Mai Cảnh	Chưa có None	Không None	030037000924 Ngày cấp: 09/07/2021 tại Cục Cảnh sát Quản lý Hành chính	07/01/06 Ngô Gia Tự, TP.Hà Nội No. 07/01/06 Ngo Gia Tu Street, Hanoi,	27/12/2024			Bố đẻ Father

				ID No. 030037000924, issued on 09 July 2021 by C06 – Ministry of Public Security.	Vietnam.				
4.2	Lê Mộng Vân	Chưa có None	Không None	030139007651 Ngày cấp: 13/05/2025 tại Cục Cảnh sát Quản lý Hành chính ID No. 030139007651, issued on 13 May 2025 by C06 – Ministry of Public Security.	07/01/06 Ngô Gia Tự, TP.Hà Nội No. 07/01/06 Ngô Gia Tu Street, Hanoi, Vietnam.	27/12/2024			Mẹ đẻ Mother
4.3	Trần Thị Huệ	Chưa có None	Không None	001159014520 cấp ngày 16/01/2022 tại Cục Cảnh sát Quản lý Hành chính ID No. 001159014520, issued on 16 January 2022 by C06 – Ministry of Public Security.	07/01/06 Ngô Gia Tự, TP.Hà Nội No. 07/01/06 Ngô Gia Tu Street, Hanoi, Vietnam.	27/12/2024			Chị ruột Older sister
4.4	Nguyễn Tiến Vinh	Chưa có None	Không None	001055016626 cấp ngày 19/04/2021 tại Cục Cảnh sát Quản lý Hành	07/01/06 Ngô Gia Tự, TP.Hà Nội No. 07/01/06	27/12/2024			Anh rể Brother-in- law

				chính ID No. 001055016626, issued on 19 April 2021 by C06 – Ministry of Public Security.	Ngo Gia Tu Street, Hanoi, Vietnam.				
4.5	Trần Thị Lan	Chưa có None	Không None	001161033143 cấp ngày 10/07/2021 tại Cục Cảnh sát Quản lý Hành chính ID No. 001161033143, issued on 10 July 2021 by C06 – Ministry of Public Security.	Phòng 102, D1, Trung Tự Đổng Đa , Hà Nội Room 102, Building D1, Trung Tu, Dong Da, Hanoi, Vietnam.	27/12/2024			Chị ruột Older sister
4.6	Phuong Ngọc Trung	Chưa có None	Không None	001057032814 cấp ngày 10/07/2021 tại Cục Cảnh sát Quản lý Hành chính ID No. 001057032814, issued on 10 July 2021 by C06 – Ministry of Public Security.	Phòng 102, D1, Trung Tự Đổng Đa , TP.Hà Nội Room 102, Building D1, Trung Tu, Dong Da, Hanoi, Vietnam.	27/12/2024			Anh rể Brother-in- law
4.7	Trần Bùi Quang Dương	Chưa có None	Không None	001064019564 Ngày cấp: 01/02/2024 tại Cục Cảnh sát	10 Dãy E, Lô BT07 Phường Việt Hưng,	27/12/2024			Anh ruột Older brother

				Quản lý Hành chính ID No. 030069002524, issued on 01 February 2024 by C06 – Ministry of Public Security.	TP.Hà Nội No. 10, Block E, Lot BT07, Viet Hung Ward, Hanoi, Vietnam.				
4.8	Đặng Thị Thanh Thủy	Chưa có None	Không None	001172022292 Ngày cấp: 25/04/2021 tại Cục Cảnh sát Quản lý Hành chính ID No. 001172022292, issued on 25 April 2021 by C06 – Ministry of Public Security.	10 Dãy E, Lô BT07 Phường Việt Hưng, TP.Hà Nội No. 10, Block E, Lot BT07, Viet Hung Ward, Hanoi, Vietnam.	27/12/2024			Chị dâu Sister-in-law
4.9	Trần Khánh Linh	Chưa có None	Không None	001304012449 Ngày cấp: 19/04/2022 tại Cục Cảnh sát Quản lý Hành chính ID No. 001304012449, issued on 19 April 2021 by C06 – Ministry of Public Security.	07/01/06 Ngô Gia Tự, TP.Hà Nội No. 07/01/06 Ngo Gia Tu Street, Hanoi, Vietnam.	27/12/2024			Con đẻ Biological child
4.10	Trần Minh Anh	Chưa có None	Không None	001309003264 Ngày cấp: 20/03/2023 tại	07/01/06 Ngô Gia Tự, TP.Hà	27/12/2024			Con đẻ Biological

				Cục Cảnh sát Quản lý Hành chính ID No. 001309003264 , issued on 20 March 2021 by C06 – Ministry of Public Security.	Nội No. 07/01/06 Ngo Gia Tu Street, Hanoi, Vietnam.				child
	Tổ Chức/Organization								
4.11	Công Ty Cổ Phần Hàng Hải VSICO Vsico Shipping Joint stock company			ĐKKD số 0102195421 cấp ngày 28/03/2007. Nơi cấp: Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư TP TP.Hà Nội Business Registration No. 0102195421, issued on 28 March 2007 by the Business Registration Office – Hanoi Department of Planning and Investment.	Số 9, ngõ 84, phố Ngọc Khánh, Phường Giảng Võ, TP Hà Nội, Việt Nam No. 9, Alley 84, Ngoc Khanh Street, Giang Vo Ward, Hanoi, Vietnam	27/12/2024			Người Đại diện phần vốn góp Capital Representati ve
4.12	Công ty Cổ phần Cảng Dịch vụ Dầu khí Đình Vũ Dinhvu Petroleum Services port Joint stock Company			ĐKKD số 0200754420 cấp lần 08 ngày 20/11/2025. Nơi cấp: Phòng Đăng ký kinh	KCN Đình Vũ, Phường Đông Hải, TP.Hải Phòng, Việt Nam	27/12/2024			Thành viên HĐQT Member of the Board of Directors

				doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư TP.Hải Phòng <i>Business Registration No. 0200754420 (8th issuance), issued on 20 November 2025 by the Business Registration Office – Hai Phong Department of Planning and Investment.</i>	<i>Dinh Vu Industrial Zone, Dong Hai Ward, Hai Phong, Vietnam</i>				
5	Nguyễn Chí Trung	Chưa có None	Thành viên HDQT/ Giám đốc, Người đại diện pháp luật <i>Member of the Board of Directors/ Director; Legal Represent ative.</i>	031072000350 Ngày cấp: 16/06/2023 tại Cục CSQLHC về TTXH <i>ID No. 031072000350, issued on 16 June 2023 by C06 – Ministry of Public Security.</i>	Số 22 đường Tài Lộc 14, khv đô thị Vin Vũ Yên, TP.Hải Phòng <i>No. 22 Tai Loc 14 Street, Vin Vu Yen Urban Area, Hai Phong City.</i>	27/12/2024		Được bổ nhiệm <i>Appointed</i>	Đại diện góp vốn của Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam, TVHDQT, Giám đốc, Người đại diện pháp luật <i>Capital Representati ve of PetroVietna m Technical Services Corporation (PTSC), Member of</i>

									<i>the Board of Directors, Director; Legal Representative.</i>
5.1	Phạm Thị Hạnh	Chưa có <i>None</i>	Không <i>None</i>	031172004104 Ngày cấp: 10/08/2021 tại Cục CS QLHC về TTXH ID No. 031172004104, issued on 10 August 2021 by C06 – Ministry of Public Security.	Số 22 đường Tài Lộc 14, khu đô thị Vin Vũ Yên, TP.Hải Phòng Phòng No. 22 Tai Loc 14 Street, Vin Vu Yen Urban Area, Hai Phong City.	27/12/2024			Vợ <i>Wife</i>
5.2	Nguyễn Phạm Bảo Ngọc	Chưa có <i>None</i>	Không <i>None</i>	031301006006 cấp ngày 04/11/2022 tại Cục CS QLHC về TTXH ID No. 031301006006, issued on 04 November 2022 by C06 – Ministry of Public Security.	Số 22 đường Tài Lộc 14, khu đô thị Vin Vũ Yên, TP.Hải Phòng Phòng No. 22 Tai Loc 14 Street, Vin Vu Yen Urban Area, Hai Phong City.	27/12/2024			Con đẻ <i>Biological child</i>
5.3	Nguyễn Huy Hoàng	Chưa có <i>None</i>	Không <i>None</i>	031206017766 cấp ngày 30/09/2021 tại Cục CS QLHC	Số 22 đường Tài Lộc 14, khu đô thị Vin	27/12/2024			Con đẻ <i>Biological child</i>

				về TTXH ID No. 031206017766, issued on 30 September 2021 by C06 – Ministry of Public Security.	Vũ Yên, TP.Hải Phòng No. 22 Tai Loc 14 Street, Vin Vu Yen Urban Area, Hai Phong City.				
5.4	Bùi Thị Nguyên	Chưa có None	Không None	031145006245 cấp ngày 22/08/2022, tại Cục CS QLHC về TTXH ID No. 031145006245, issued on 22 August 2022 by C06 – Ministry of Public Security.	15/190 đường Lê Lai, Phường Ngô quyền, TP Hải Phòng. 15/190 Le Lai Street, Ngo Quyen Ward, Hai Phong City, Vietnam.	27/12/2024			Mẹ đẻ Mother
5.5	Nguyễn Thu Hà	Chưa có None	Không None	031164000016 cấp ngày 12/08/2021 tại Cục CS QLHC về TTXH ID No. 031164000016, issued on 12 August 2021 by C06 – Ministry of Public Security.	44/190 Lê lai, Phường Ngô quyền, TP.Hải Phòng. 44/190 Le Lai Street, Ngo Quyen Ward, Hai Phong City, Vietnam.	27/12/2024			Chị ruột Older sister
5.6	Nguyễn Thị Thu Hiền	Chưa có None	Không None	031167008429 cấp ngày	1/1/30/152 đường Lê	27/12/2024			Chị ruột Older sister

				31/08/2021 tại Cục CS QLHC về TTXH ID No. 031167008429, issued on 31 August 2021 by C06 – Ministry of Public Security.	Lai, Phường Ngô Quyền, TP.Hải Phòng. 1/1/30/152 Le Lai Street, Ngo Quyen Ward, Hai Phong City, Vietnam.				
5.7	Nguyễn Anh Dũng	Chưa có None	Không None	031074008057 cấp ngày 02/07/2021 tại Cục CS QLHC về TTXH ID No. 031074008057, issued on 02 July 2021 by C06 – Ministry of Public Security.	Số 6, đường Hoàng Văn Thụ, Phường Tam Thắng, TP. Hồ Chí Minh. No. 6 Hoang Van Thu Street, Tam Thang Ward, Ho Chi Minh City, Vietnam.	27/12/2024			Em ruột Younger brother
5.8	Phạm Ngọc Dũng	Chưa có None	Không None	036057002163, cấp ngày 14/1/2021 tại cục QLHC về TTXH ID No. 036057002163, issued on 14 January 2021 by C06 – Ministry of Public Security.	44/190 Lê lai, Ngô quyền, TP.Hải phòng 44/190 Le Lai Street, Ngo Quyen Ward, Hai Phong City, Vietnam.	28/06/2024			Anh rể Brother-in-law
5.9	Vũ Thị Thanh Thuý	Chưa có None	Không None	031180000946, cấp ngày	Số 6, đường Hoàng Văn	28/06/2024			Em dâu Sister – in -

				28/1/2021 tại cục QLHC về TTXH ID No. 031180000946, issued on 28 January 2021 by C06 – Ministry of Public Security.	Thụ, Phường Tam Thắng, TP. HCM No. 6 Hoang Van Thu Street, Tam Thang Ward, Ho Chi Minh City, Vietnam.				law
	Tổ Chức/Organization								
5.10	Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam <i>PetroVietnam Technical Services Corporation</i>			ĐKKD số 0100150577 cấp ngày 10/07/2015, Nơi cấp: Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh <i>Business Registration No. 0100150577, issued on 10 July 2015 by the Ho Chi Minh City Department of Planning and Investment.</i>	Tòa nhà Petro Tower, Số 1-5 Lê Duẩn, P. Sài Gòn, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam <i>Petro Tower Building, No. 1–5 Le Duan Street, Sai Gon Ward, Ho Chi Minh City, Vietnam.</i>	27/12/2024			Người Đại diện phần vốn góp <i>Capital Representati ve</i>
5.11	Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam <i>PetroVietnam Technical Services Corporation</i>			ĐKKD số 0100150577 cấp ngày 10/07/2015, Nơi cấp: Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh <i>Business Registration No.</i>	KCN Đình Vũ, Phường Đông Hải, TP.Hải Phòng, Việt Nam <i>Đình Vu Industrial Zone, Dong Hai Ward,</i>	27/12/2024			TVHĐQT /Giám đốc <i>Member of the Board of Directors / Director</i>

				0100150577, issued on 10 July 2015 by the Ho Chi Minh City Department of Planning and Investment.	Hai Phong, Vietnam				
5.12	Công ty Cổ phần Đầu tư Xây lắp Dầu khí Duyên Hải Duyen Hai Petro Construction Investment Joint Stock Company			ĐKKD số 0201093188 cấp ngày 10/07/2015, Nơi cấp: Sở Kế hoạch và Đầu tư TP.Hải Phòng Business Registration No. 0201093188, issued on 10 July 2015 by the Hai Phong Department of Planning and Investment.	Số 441, đường Đà Nẵng, Phường Đông Hải, TP.Hải Phòng, Việt Nam No. 441 Da Nang Street, Dong Hai Ward, Hai Phong, Vietnam.	26/06/2025			Thành viên HĐQT/ Người Đại diện phần vốn góp Member of the Board of Directors / Capital Representati ve
III	Ban Điều hành								
6	Nguyễn Chí Trung	Chưa có None	Giám đốc /Người đại diện Pháp luật Director / Legal Represent ative	031072000350 Ngày cấp: 16/06/2023 tại Cục CSQLHC về TTXH ID No. 031072000350, issued on 16 June 2023 by C06 – Ministry of Public Security.	Số 22 đường Tài Lộc 14, khu đô thị Vin Vũ Yên, TP.Hải Phòng No. 22 Tai Loc 14 Street, Vin Vu Yen Urban Area, Hai Phong	28/06/2024		Được bổ nhiệm Appointed	Giám đốc/Người đại diện Pháp luật Director, Legal Representati ve

					City.				
6.1	Phạm Thị Hạnh	Chưa có None	Không None	031172004104 Ngày cấp: 10/08/2021 tại Cục CSQHHC về TTXH ID No. 031172004104, issued on 10 August 2021 by C06 – Ministry of Public Security.	Số 22 đường Tài Lộc 14, khu đô thị Vin Vũ Yên, TP.Hải Phòng No. 22 Tai Loc 14 Street, Vin Vu Yen Urban Area, Hai Phong City.	28/06/2024			Vợ Wife
6.2	Nguyễn Phạm Bảo Ngọc	Chưa có None	Không None	031301006006 cấp ngày 04/11/2022 tại Cục CS QLHC về TTXH ID No. 031301006006, issued on 04 November 2022 by C06 – Ministry of Public Security.	Số 22 đường Tài Lộc 14, khu đô thị Vin Vũ Yên, TP.Hải Phòng No. 22 Tai Loc 14 Street, Vin Vu Yen Urban Area, Hai Phong City.	28/06/2024			Con đẻ Biological child
6.3	Nguyễn Huy Hoàng	Chưa có None	Không None	031206017766 cấp ngày 30/09/2021 tại Cục CS QLHC về TTXH ID No. 031206017766, issued on 30	Số 22 đường Tài Lộc 14, khu đô thị Vin Vũ Yên, TP.Hải Phòng	28/06/2024			Con đẻ Biological child

				September 2021 by C06 – Ministry of Public Security.	No. 22 Tai Loc 14 Street, Vin Vu Yen Urban Area, Hai Phong City.				
6.4	Bùi Thị Nguyên	Chưa có None	Không None	031145006245 cấp ngày 22/08/2022, tại Cục CS QLHC về TTXH ID No. 031145006245, issued on 22 August 2022 by C06 – Ministry of Public Security.	15/190 đường Lê Lai, Phường Ngô quyền, TP Hải Phòng. 15/190 Le Lai Street, Ngo Quyen Ward, Hai Phong City, Vietnam.	28/06/2024			Mẹ đẻ Mother
6.5	Nguyễn Thu Hà	Chưa có None	Không None	031164000016 cấp ngày 12/08/2021 tại Cục CS QLHC về TTXH ID No. 031164000016, issued on 12 August 2021 by C06 – Ministry of Public Security.	44/190 Lê lai, Phường Ngô quyền, TP.Hải Phòng. 44/190 Le Lai Street, Ngo Quyen Ward, Hai Phong City, Vietnam.	28/06/2024			Chị ruột Older sister
6.6	Nguyễn Thị Thu Hiền	Chưa có None	Không None	031167008429 cấp ngày 31/08/2021 tại Cục CS QLHC về TTXH ID No.	1/1/30/152 đường Lê Lai, Phường Ngô Quyền, TP.Hải Phòng.	28/06/2024			Chị ruột Older sister

				031167008429, issued on 31 August 2021 by C06 – Ministry of Public Security.	1/1/30/152 Le Lai Street, Ngo Quyen Ward, Hai Phong City, Vietnam.				
6.7	Nguyễn Anh Dũng	Chưa có None	Không None	031074008057 cấp ngày 02/07/2021 tại Cục CS QLHC về TTXH ID No. 031074008057, issued on 02 July 2021 by C06 – Ministry of Public Security.	Số 6, đường Hoàng Văn Thụ, Phường Tam Thắng, TP. Hồ Chí Minh. No. 6 Hoang Van Thu Street, Tam Thang Ward, Ho Chi Minh City, Vietnam.	28/06/2024			Em ruột Younger brother
6.8	Phạm Ngọc Dũng	Chưa có None	Không None	036057002163, cấp ngày 14/1/2021 tại cục QLHC về TTXH ID No. 036057002163, issued on 14 January 2021 by C06 – Ministry of Public Security.	44/190 Lê lai, Ngô quyền, TP.Hải phòng 44/190 Le Lai Street, Ngo Quyen Ward, Hai Phong City, Vietnam.	28/06/2024			Anh rể Brother-in- law
6.9	Vũ Thị Thanh Thuý	Chưa có None	Không None	031180000946, cấp ngày 28/1/2021 tại cục QLHC về TTXH	Số 6, đường Hoàng Văn Thụ, Phường Tam Thắng, TP. HCM	28/06/2024			Em dâu Sister – in - law

				ID No. 031180000946, issued on 28 January 2021 by C06 – Ministry of Public Security.	No. 6 Hoang Van Thu Street, Tam Thang Ward, Ho Chi Minh City, Vietnam.				
	Tổ Chức/Organization								
6.10	Công ty Cổ phần Cảng Dịch vụ Dầu khí Đình Vũ <i>Dinhvu Petroleum Services port Joint stock Company</i>			ĐKKD số 0200754420 cấp lần 08 ngày 20/11/2025. Nơi cấp: Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư TP.Hải Phòng <i>Business Registration No. 0200754420 (8th issuance), issued on 20 November 2025 by the Business Registration Office – Hai Phong Department of Planning and Investment.</i>	KCN Đình Vũ, Phường Đông Hải, TP.Hải Phòng, Việt Nam <i>Dinh Vu Industrial Zone, Dong Hai Ward, Hai Phong, Vietnam</i>	28/06/2024			Giám đốc <i>Director</i>
7	Vũ Ngọc Phách	Chưa có <i>None</i>	Phó GD <i>Deputy Director</i>	036072000108 Cấp ngày 27/12/2021 tại Cục CS QLHC về TTXH ID No. 036072000108, issued on 27	P4.8 Nhà A4 Làng Quốc tế Thăng Long –Cầu Giấy – TP.Hà Nội <i>Apartment</i>	26/12/2017		Được bổ nhiệm <i>Appointed</i>	Phó GD <i>Deputy Director</i>

				<i>December 2021 by C06 – Ministry of Public Security.</i>	<i>P4.8, Building A4, Thang Long International Village, Cau Giay District, Hanoi, Vietnam.</i>				
7.1	Trần Thị Thu	Chưa có <i>None</i>	Không <i>None</i>	034176005972 cấp ngày 10/04/2021 tại Cục CS QLHC về TTXH ID No. 034176005972, issued on 10 April 2021 by C06 – Ministry of Public Security.	P4.8 Nhà A4 Làng Quốc tế Thăng Long –Cầu Giấy – TP.Hà Nội Apartment P4.8, Building A4, Thang Long International Village, Cau Giay District, Hanoi, Vietnam.	26/12/2017			Vợ <i>Wife</i>
7.2	Vũ Ngọc Minh	Chưa có <i>None</i>	Không <i>None</i>	001204009841 cấp ngày 13/05/2021 tại Cục CS QLHC về TTXH ID No. 001204009841, issued on 13 May 2021 by C06 – Ministry of Public Security.	P4.8 Nhà A4 Làng Quốc tế Thăng Long –Cầu Giấy – TP.Hà Nội Apartment P4.8, Building A4, Thang Long International Village, Cau Giay District, Hanoi, Vietnam.	26/12/2017			Con đẻ <i>Biological child</i>
7.3	Vũ Ngọc Châu	Chưa có <i>None</i>	Không <i>None</i>	034306000224 cấp ngày	P4.8 Nhà A4 Làng Quốc tế	26/12/2017			Con đẻ <i>Biological</i>

				18/01/2021 tại Cục CS QLHC về TTXH ID No. 034306000224, issued on 18 January 2021 by C06 – Ministry of Public Security.	Thăng Long –Cầu Giấy – TP.Hà Nội Apartment P4.8, Building A4, Thang Long International Village, Cau Giay District, Hanoi, Vietnam.				child
7.4	Vũ Ngọc Lạng (đã mất) (Deceased)	Chưa có None	Không None	Đã mất (Deceased)	P4.8 Nhà A4 Làng Quốc tế Thăng Long –Cầu Giấy – TP.Hà Nội Apartment P4.8, Building A4, Thang Long International Village, Cau Giay District, Hanoi, Vietnam.	26/12/2017			Bố đẻ Father
7.5	Đỗ Thị Tâm	Chưa có None	Không None	036146010024 cấp ngày 24/7/2021 tại Cục CS QLHC về TTXH ID No. 036146010024, issued on 24 July 2021 by C06 – Ministry of Public Security.	P4.8 Nhà A4 Làng Quốc tế Thăng Long –Cầu Giấy – TP.Hà Nội Apartment P4.8, Building A4, Thang Long International Village, Cau Giay District, Hanoi, Vietnam.	26/12/2017			Mẹ đẻ Mother

					Hanoi, Vietnam.				
7.6	Vũ Ngọc Phan	Chưa có None	Không None		Cư trú tại nước ngoài Currently residing abroad.	26/12/2017			Anh ruột Older brother
	Tổ Chức/Organization								
7.7	Công ty Cổ phần Cảng Dịch vụ Dầu khí Đình Vũ Dinhvu Petroleum Services port Joint stock Company		Phó GD	ĐKKD số 0200754420 cấp lần 08 ngày 20/11/2025. Nơi cấp: Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư TP.Hải Phòng Business Registration No. 0200754420 (8th issuance), issued on 20 November 2025 by the Business Registration Office – Hai Phong Department of Planning and Investment.	KCN Đình Vũ, Phường Đông Hải, TP.Hải Phòng Phòng Dinh Vu Industrial Zone, Dong Hai Ward, Hai Phong, Vietnam	28/06/2024			Phó GD Deputy Director
8	Vũ Văn Hùng	Chưa có None	Phó GD Deputy Director	031069000022 Cấp ngày 23/03/2023 tại Cục CS QLHC về TTXH ID No.	B13.01 KĐT Hoàng Huy Mall - Phường Lê Chân - TP.Hải Phòng	26/12/2017		Được bổ nhiệm Appointed	Phó GD Deputy Director

				031069000022, issued on 23 March 2023 by C06 – Ministry of Public Security.	B13.01, Hoang Huy Mall Urban Area, Le Chan Ward, Hai Phong City				
8.1	Nguyễn Thị Nhâm	Chưa có None	Không None	031173016614 Cấp ngày 16/08/2021 tại Cục CS QLHC về TTXH ID No. 031173016614, issued on 16 August 2021 by C06 – Ministry of Public Security.	B13.01 KĐT Hoàng Huy Mall - Phường Lê Chân - TP.Hải Phòng B13.01, Hoang Huy Mall Urban Area, Le Chan Ward, Hai Phong City	26/12/2017			Vợ Wife
8.2	Vũ Quang Hưng	Chưa có None	Không None	031095000025 Cấp ngày 16/08/2021 tại Cục CS- ĐKQLCT&DL QG về DC ID No. 031095000025, issued on 16 August 2021 by C06 – Ministry of Public Security.	B13.01 KĐT Hoàng Huy Mall - Phường Lê Chân - TP.Hải Phòng B13.01, Hoang Huy Mall Urban Area, Le Chan Ward, Hai Phong City	26/12/2017			Con đẻ Biological child
8.3	Vũ Ngọc Anh	Chưa có	Không	031302005454	B13.01 KĐT	26/12/2017			Con đẻ

		None	None	Cấp ngày 02/07/2021 tại Cục CS- ĐKQLCT&DL QG về DC ID No. 031302005454, issued on 02 July 2021 by C06 – Ministry of Public Security.	Hoàng Huy Mall- Phường Lê Chân - TP.Hải Phòng B13.01, Hoang Huy Mall Urban Area, Le Chan Ward, Hai Phong City				Biological child
8.4	Vũ Thị Huyền	Chưa có None	Không None	031148001617 cấp ngày 17/4/2023 tại Cục CS quản lý HC về TTXH ID No. 031148001617, issued on 17 April 2023 by C06 – Ministry of Public Security.	61 Cầu Cáp- An Biên – TP TP.Hải Phòng No. 61 Cau Cap Street, An Bien Ward, Hai Phong City	26/12/2017			Chị ruột Older sister
8.5	Vũ Thị Ngán	Chưa có None	Không None	031154012198 cấp ngày 07/10/2021 tại Cục CS quản lý HC về TTXH ID No. 031154012198, issued on 07 October 2021 by C06 – Ministry of Public Security.	1007/88 Lạc Long Quân Phường Bầy Hiền – TP. Hồ Chí Minh No. 1007/88 Lac Long Quan Street, Bay Hien Ward, Ho Chi Minh City	26/12/2017			Chị ruột Older sister

8.6	Vũ Thị Hợp	Chưa có None	Không None	031156002257 cấp ngày 28/06/2021 tại Cục CS quản lý HC về TTXH ID No. 031156002257, issued on 28 June 2021 by C06 – Ministry of Public Security.	95 Nguyễn Bình, Phường Gia Viên, TP.Hải Phòng No. 95 Nguyen Binh Street, Gia Vien Ward, Hai Phong City	26/12/2017			Chị ruột Older sister
8.7	Vũ Thị Tuyết	Chưa có None	Không None	031158014314 Cấp ngày 15/11/2022 tại Cục CS quản lý HC về TTXH ID No. 031158014314, issued on 15 November 2022 by C06 – Ministry of Public Security.	Xã Vĩnh Am- TP.Hải Phòng Vinh Am Commune, Hai Phong City	26/12/2017			Chị ruột Older sister
8.8	Vũ Văn Long	Chưa có None	Không None	031061005944 Cấp ngày 19/04/2021 tại Cục CS quản lý HC về TTXH ID No. 031061005944, issued on 19 April 2021 by C06 – Ministry of Public Security.	135J2 Lê Quang Định, phường Rạch Dừa, TP. Hồ Chí Minh 135J2 Le Quang Dinh Street, Rach Dua Ward, Ho Chi Minh City	26/12/2017			Anh ruột Older brother
8.9	Vũ Thị Lan	Chưa có None	Không None	031162015883 cấp ngày	Xã Vĩnh Am- TP.Hải	26/12/2017			Chị ruột Older sister

				08/07/2022 tại Cục CS quản lý HC về TTXH ID No. 031162015883, issued on 08 July 2022 by C06 – Ministry of Public Security.	Phòng Vinh Am Commune, Hai Phong City				
8.10	Vũ Văn Dũng	Chưa có None	Không None	031065008123, cấp ngày 24/4/2021 tại Cục CS QLHC về TTXH ID No. 031065008123, issued on 24 April 2021 by C06 – Ministry of Public Security.	Số 6/194 Chợ Hàng, Phường Lê Chân, TP.Hải Phòng No. 6/194 Cho Hang Street, Le Chan Ward, Hai Phong City	26/12/2017			Anh ruột Older brother
8.11	Nguyễn Xuân Kiều	Chưa có None	Không None	031051006311 cấp ngày 10/05/2021 tại Cục CS QLHC về TTXH ID No. 031051006311, issued on 10 May 2021 by C06 – Ministry of Public Security.	1007/88 Lạc Long Quân Phường Bầy Hiền – TP. Hồ Chí Minh No. 1007/88 Lac Long Quan Street, Bay Hien Ward, Ho Chi Minh City	26/12/2017			Anh rể Brother-in-law
8.12	Nguyễn Văn Vĩnh	Chưa có None	Không None	031055005343 cấp ngày 13/08/2021 tại	95, Nguyễn Bình, Phường Ngô Quyền,	26/12/2017			Anh rể Brother-in-law

				Cục CS QLHC về TTXH ID No. 031055005343, issued on 13 August 2021 by C06 – Ministry of Public Security.	TP.Hải Phòng No. 95 Nguyen Binh Street, Ngo Quyen Ward, Hai Phong City				
8.13	Đỗ Hữu Tạo	Chưa có None	Không None	031059009462 cấp ngày 18/09/2022 tại Cục CS QLHC về TTXH ID No. 031059009462, issued on 18 September 2022 by C06 – Ministry of Public Security.	Phường Thắng Nhất, TP.Hồ Chí Minh Thang Nhat Ward, Ho Chi Minh City	26/12/2017			Anh rể Brother-in- law
8.14	Đoàn Thị Hải	Chưa có None	Không None	031164002081 cấp ngày 03/05/2024 tại tại Cục CS QLHC về TTXH ID No. 031164002081, issued on 03 May 2024 by Ministry of Public Security.	135J2 Lê Quang Định, phường Rạch Dừa, TP. Hồ Chí Minh 135J2 Le Quang Dinh Street, Rach Dua Ward, Ho Chi Minh City	26/12/2017			Chị dâu Sister-in-law
8.15	Nguyễn Văn Khải	Chưa có None	Không None	031062010575 cấp ngày 27/11/2023 tại Cục CS quản lý	Thôn 2, Vĩnh Tiến, Vĩnh Bảo, TP.Hải Phòng	26/12/2017			Anh rể Brother-in- law

				HC về TTXH ID No. 031062010575, issued on 27 November 2023 by C06 – Ministry of Public Security.	Hamlet 2, Vinh Tien Commune, Vinh Bao District, Hai Phong City				
8.16	Nguyễn Thị Ngọc	Chưa có None	Không None	031173006736 cấp ngày 28/06/2021 tại Cục CS QLHC về TTXH ID No. 031173006736, issued on 28 June 2021 by C06 – Ministry of Public Security.	6/194 Chợ hàng, phường Lê Chân, TP.Hải Phòng No. 6/194 Cho Hang Street, Le Chan Ward, Hai Phong City	26/12/2017			Chị dâu Sister-in-law
8.17	Trần Thị Diệu Linh	Chưa có None	Không None	031197006523 Cấp ngày 17/04/2023 tại Cục CS- ĐKQLCT&DL QG về DC ID No. 031197006523, issued on 17 April 2023 by C06 – Ministry of Public Security.	B13.01 KĐT Hoàng Huy Mall- Phường Lê Chân - TP.Hải Phòng B13.01, Hoang Huy Mall Urban Area, Le Chan Ward, Hai Phong City	26/12/2017			Con dâu Daughter-in- law
	Tổ Chức/Organization								
8.18	Công ty Cổ phần Cảng			ĐKKD số	KCN Đình	26/12/2017			Phó GD

	Dịch vụ Dầu khí Đình Vũ <i>Dinhvu Petroleum Services port Joint stock Company</i>			0200754420 cấp lần 08 ngày 20/11/2025. Nơi cấp: Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư TP.Hải Phòng <i>Business Registration No. 0200754420 (8th issuance), issued on 20 November 2025 by the Business Registration Office – Hai Phong Department of Planning and Investment.</i>	Vũ, Phường Đông Hải, TP.Hải Phòng, Việt Nam <i>Dinh Vu Industrial Zone, Dong Hai Ward, Hai Phong, Vietnam</i>				<i>Deputy Director</i>
9	Đặng Kiến Nghiệp	1670581 tại Công ty CP Chứng khoán MB <i>Securities Joint Stock Company</i>	Kế toán trưởng /Người CBTT /Người phụ trách quản trị nội bộ <i>Chief Accountant / Information Disclosure Officer / Internal Governan</i>	035080000758 cấp ngày 4/10/2021, tại Cục Cảnh sát QLHC về TTXH <i>ID No. 035080000758, issued on 04 October 2021 by C06 – Ministry of Public Security.</i>	Số 26, tổ 17, cụm 3, Gia Viên, TP.Hải Phòng <i>No. 26, Group 17, Cluster 3, Gia Vien Ward, Hai Phong City, Vietnam.</i>	26/12/2017		Được bổ nhiệm <i>Appointed</i>	Kế toán trưởng /Người CBTT /Người phụ trách quản trị nội bộ <i>Chief Accountant / Information Disclosure Officer / Internal Governance Officer</i>

			<i>ce Officer</i>						
9.1	Hoàng Thị Cẩm Linh	Chưa có <i>None</i>	Không <i>None</i>	031180001371 Cấp ngày 05/8/2021 tại Cục Cảnh sát QLHC về TTXH <i>ID No.</i> 031180001371, <i>issued on 05</i> <i>August 2021 by</i> <i>C06 – Ministry</i> <i>of Public</i> <i>Security.</i>	Số 14D, Đà Nẵng, Gia Viên, TP.Hải Phòng <i>No. 14D, Da</i> <i>Nang Street,</i> <i>Gia Vien</i> <i>Ward, Hai</i> <i>Phong City,</i> <i>Vietnam.</i>	26/12/2017			Vợ <i>Wife</i>
9.2	Đặng Hoàng Lâm	Chưa có <i>None</i>	Không <i>None</i>	031208015012 Cấp ngày 23/03/2023 Nơi cấp: Cục CS QLHC về TTXH <i>ID No.</i> 031208015012, <i>issued on 23</i> <i>March 2023 by</i> <i>C06 – Ministry</i> <i>of Public</i> <i>Security.</i>	Số 14D, Đà Nẵng, Gia Viên, TP.Hải Phòng <i>No. 14D, Da</i> <i>Nang Street,</i> <i>Gia Vien</i> <i>Ward, Hai</i> <i>Phong City,</i> <i>Vietnam.</i>	26/12/2017			Con đẻ <i>Biological</i> <i>child</i>
9.3	Đặng Hoàng Khánh Chi	Chưa có <i>None</i>	Không <i>None</i>	031312015284 Cấp ngày 29/07/2025 Nơi cấp: Bộ Công An <i>ID No.</i> 031312015284, <i>issued on 29</i> <i>July 2025 by the</i> <i>Ministry of</i> <i>Public Security.</i>	Số 14D, Đà Nẵng, Gia Viên, TP.Hải Phòng <i>No. 14D, Da</i> <i>Nang Street,</i> <i>Gia Vien</i> <i>Ward, Hai</i> <i>Phong City,</i> <i>Vietnam.</i>	26/12/2017			Con đẻ <i>Biological</i> <i>child</i>

9.4	Đặng Văn Nghị	Chưa có None	Không None	031054012622 Cấp ngày 9/4/2021 tại Cục Cảnh sát QLHC về TTXH ID No. 031054012622, issued on 09 April 2021 by C06 – Ministry of Public Security.	Số 26, tổ 17, cụm 3, Gia Viên, TP.Hải Phòng No. 26, Group 17, Cluster 3, Gia Viên Ward, Hai Phong City, Vietnam.	26/12/2017			Bố đẻ Father
9.5	Chu Thị Xường	Chưa có None	Không None	031157011966 Cấp ngày 23/12/2021 tại Cục Cảnh sát QLHC về TTXH ID No. 031157011966, issued on 23 December 2021 by C06 – Ministry of Public Security.	Số 26, tổ 17, cụm 3, Gia Viên, TP.Hải Phòng No. 26, Group 17, Cluster 3, Gia Viên Ward, Hai Phong City, Vietnam.	26/12/2017			Mẹ đẻ Mother
9.6	Đặng Đình Căn	Chưa có None	Không None	035086003787 cấp ngày 28/6/2021 tại Cục Cảnh sát QLHC về TTXH ID No. 035086003787, issued on 28 June 2021 by C06 – Ministry of Public	Số 26, tổ 17, cụm 3, Gia Viên, TP.Hải Phòng No. 26, Group 17, Cluster 3, Gia Viên Ward, Hai Phong City, Vietnam.	26/12/2017			Em ruột Younger brother

				<i>Security.</i>					
9.7	Hoàng Tín	Chưa có <i>None</i>	Không <i>None</i>	031050002822, cấp ngày 28/6/2021 tại Cục Cảnh sát QLHC về TTXH ID No. 031050002822, issued on 28 June 2021 by C06 – Ministry of Public Security.	Số 14D, Đà Nẵng, Gia Viên, TP.Hải Phòng <i>No. 14D, Da Nang Street, Gia Vien Ward, Hai Phong City, Vietnam.</i>	26/12/2017			Bố vợ <i>Father-in-law</i>
9.8	Nguyễn Thị Loan	Chưa có <i>None</i>	Không <i>None</i>	031154003592, cấp ngày 28/6/2021 tại Cục Cảnh sát QLHC về TTXH ID No. 031154003592, issued on 28 June 2021 by C06 – Ministry of Public Security.	Số 14D, Đà Nẵng, Gia Viên, TP.Hải Phòng <i>No. 14D, Da Nang Street, Gia Vien Ward, Hai Phong City, Vietnam.</i>	26/12/2017			Mẹ vợ <i>Mother-in-law</i>
	<i>Tổ Chức/Organization</i>								
9.9	Công ty Cổ phần Cảng Dịch vụ Dầu khí Đình Vũ <i>Dinhvu Petroleum Services port Joint stock Company</i>			ĐKKD số 0200754420 cấp lần 08 ngày 20/11/2025. Nơi cấp: Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư TP.Hải Phòng	KCN Đình Vũ, Phường Đông Hải, TP.Hải Phòng, Việt Nam <i>Dinh Vu Industrial</i>	26/12/2017			Kế toán trưởng /Người CBTT /Người phụ trách quản trị nội bộ Chief Accountant /

				Business Registration No. 0200754420 (8th issuance), issued on 20 November 2025 by the Business Registration Office – Hai Phong Department of Planning and Investment.	Zone, Dong Hai Ward, Hai Phong, Vietnam				Information Disclosure Officer / Internal Governance Officer
IV	Ban kiểm soát/ Board of Supervisors								
10	Hồ Thị Kim Ánh	058C7577 83 009C1790 50	Trưởng Ban Kiểm soát (kiêm nhiệm) Head of Supervisor y Board (concurrent)	046193005448 cấp ngày 28/06/2021 tại Cục CS quản lý HC về TTXH ID No. 046193005448, issued on 28 June 2021 by C06 – Ministry of Public Security.	443/96A Lê Văn Sỹ, Khu phố 8, Phường Nhiều Lộc, TP. Hồ Chí Minh No. 443/96A Le Van Sy Street, Quarter 8, Nhiều Loc Ward, Ho Chi Minh City, Vietnam.	21/04/2023		Được bổ nhiệm Appointed	Trưởng Ban Kiểm soát (kiêm nhiệm) Head of Supervisory Board (concurrent)
10.1	Trần Kỳ Anh	058C6175 90 009C1470 32 003C3301 09 085C3010	Không None	056090011792 cấp ngày 16/02/2024 tại Cục CS quản lý HC về TTXH ID No.	443/96A Lê Văn Sỹ, Khu phố 8, Phường Nhiều Lộc, TP. Hồ Chí Minh	21/04/2023			Chồng Husband

		90 033C6793 89		056090011792, issued on 16 February 2024 by C06 – Ministry of Public Security.	No. 443/96A Le Van Sy Street, Quarter 8, Nhiều Loc Ward, Ho Chi Minh City, Vietnam.				
10.2	Hồ Hữu Hưng	Chưa có None	Không None	046057008854 cấp ngày 28/06/2021 tại Cục CS quản lý HC về TTXH ID No. 046057008854, issued on 28 June 2021 by C06 – Ministry of Public Security.	Tổ dân phố Nhị Đông, Phường Phong Phú, TP.Huế. Nhi Dong Residential Group, Phong Phu Ward, Hue City, Vietnam.	21/04/2023			Bố đẻ đã mất Father, Deceased
10.3	Võ Thị Vui	Chưa có None	Không None	045160004966 cấp ngày 28/06/2021 tại Cục CS quản lý HC về TTXH ID No. 045160004966, issued on 28 June 2021 by C06 – Ministry of Public Security.	Tổ dân phố Nhị Đông, Phường Phong Phú, TP.Huế. Nhi Dong Residential Group, Phong Phu Ward, Hue City, Vietnam.	21/04/2023			Mẹ đẻ Mother
10.4	Hồ Hữu Quang	Chưa có None	Không None	046089013626 cấp ngày 28/06/2021 tại Cục CS quản lý HC về TTXH	Tổ dân phố Nhị Đông, Phường Phong Phú, TP.Huế.	21/04/2023			Anh ruột Older brother

				<i>ID No. 046089013626, issued on 28 June 2021 by C06 – Ministry of Public Security.</i>	<i>Nhi Dong Residential Group, Phong Phu Ward, Hue City, Vietnam.</i>				
10.5	Hồ Thị Trâm Anh	058C6455 51 085C2010 93	Không	046191006433 cấp ngày 28/06/2021 tại Cục CS quản lý HC về TTXH <i>ID No. 046191006433, issued on 28 June 2021 by C06 – Ministry of Public Security.</i>	Tổ dân phố Nhi Đông, Phường Phong Phú, TP.Huế. <i>Nhi Dong Residential Group, Phong Phu Ward, Hue City, Vietnam.</i>	21/04/2023			Chị ruột <i>Older sister</i>
10.6	Trần Đức Thám	Chưa có <i>None</i>	Không <i>None</i>	046054008202 cấp ngày 05/01/2021 tại Cục CS quản lý HC về TTXH <i>ID No. 046054008202, issued on 05 January 2021 by C06 – Ministry of Public Security.</i>	112/5 Đồng Nai, Phường Nam Nha Trang, Khánh Hòa <i>No. 112/5 Dong Nai Street, Nam Nha Trang Ward, Khanh Hoa Province, Vietnam.</i>	21/04/2023			Bố chồng <i>Husband</i>
10.7	Nguyễn Thị Lan	Chưa có <i>None</i>	Không <i>None</i>	Không <i>None</i>	112/5 Đồng Nai, Phường Nam Nha Trang, Khánh Hòa	21/04/2023			Mẹ chồng <i>Husband</i>

					No. 112/5 Dong Nai Street, Nam Nha Trang Ward, Khanh Hoa Province, Vietnam.				
10.8	Cao Phú	Chưa có None	Không None	046090010621 cấp ngày 15/08/2021 tại Cục CS quản lý HC về TTXH ID No. 046090010621, issued on 15 August 2021 by C06 – Ministry of Public Security.	Thôn Tam Hiệp, Xã Bình Điền, TP. Huế Tam Hiep Hamlet, Binh Dien Commune, Hue City, Vietnam.	21/04/2023			Anh rể Brother-in-law
10.9	Lê Thị Kim Tiến	Chưa có None	Không None	046192014246, ngày cấp 12/04/2022, nơi cấp Cục CS QLHC trật tự xã hội ID No. 046192014246, issued on 12 April 2022 by C06 – Ministry of Public Security.	Tổ dân phố Nhất Tây, Phường Phong Phú, TP. Huế Nhat Tay Residential Group, Phong Phu Ward, Hue City, Vietnam.	03/07/2024			Chị dâu Sister-in-law
10.10	Trần Hồ Hạ An	Chưa có None	Không None		443/96A Lê Văn Sỹ, Khu phố 8, Phường Nhiêu Lộc,	31/10/2024			Con đẻ Biological child

					TP. Hồ Chí Minh No. 443/96A Le Van Sy Street, Quarter 8, Nhiều Loc Ward, Ho Chi Minh City, Vietnam.				
11	Đặng Kiều Anh	0001840811	TVBKS Member of the Board of Supervisors	036184005269 cấp ngày 23/10/2024 tại Bộ Công an ID No. 036184005269, issued on 23 October 2024 by the Ministry of Public Security.	Số 2/31/53 Vũ Chí Thắng, Phường An Biên, TP.Hải Phòng No. 2/31/53 Vu Chi Thang Street, An Bien Ward, Hai Phong City, Vietnam.	03/06/2022		Được bổ nhiệm Appointed	TVBKS Member of the Board of Supervisors
11.1	Nguyễn Hoàng	Chưa có None	Không None	031084010614 cấp ngày 10/05/2018 tại Cục Cảnh sát ĐKQL Cư trú và DLQG về dân cư ID No. 031084010614, issued on 10 May 2018 by the Department of Residence Registration and	Số 2/31/53 Vũ Chí Thắng, Phường An Biên, TP.Hải Phòng No. 2/31/53 Vu Chi Thang Street, An Bien Ward, Hai Phong City, Vietnam.	03/06/2022			Chồng đã mất Husband, Deceased

				<i>National Population Database – Ministry of Public Security.</i>					
11.2	Nguyễn Hoàn Khánh Đông	Chưa có <i>None</i>	Không <i>None</i>	031209004670 cấp ngày 27/11/2023 tại Cục Cảnh sát QLHC về TTXH <i>ID No. 031209004670, issued on 27 November 2023 by C06 – Ministry of Public Security.</i>	Số 2/31/53 Vũ Chí Thắng, Phường An Biên, TP.Hải Phòng <i>No. 2/31/53 Vu Chi Thang Street, An Bien Ward, Hai Phong City, Vietnam.</i>	03/06/2022			Con đẻ <i>Biological child</i>
11.3	Nguyễn Minh Châu	Chưa có	Không		Số 2/31/53 Vũ Chí Thắng, Phường An Biên, TP.Hải Phòng <i>No. 2/31/53 Vu Chi Thang Street, An Bien Ward, Hai Phong City, Vietnam.</i>	03/06/2022			Con đẻ <i>Biological child</i>
11.4	Đặng Công Bình	Chưa có <i>None</i>	Không <i>None</i>	036053011831 ngày cấp 10/05/2021 tại Cục Cảnh sát QLHC về TTXH	Số 40 Đường Kênh, Tổ 20, Phường Nam Định, Tỉnh Ninh Bình <i>No. 40</i>	03/06/2022			Bố đẻ <i>Father</i>

				ID No. 036053011831, issued on 10 May 2021 by C06 – Ministry of Public Security.	Duong Kenh, Group 20, Nam Dinh Ward, Ninh Binh Province, Vietnam.				
11.5	Trần Thị Thoa	Chưa có None	Không None	036154017836, cấp ngày 25/08/2021 tại Cục Cảnh sát QLHC về TTXH ID No. 036154017836, issued on 25 August 2021 by C06 – Ministry of Public Security.	Số 40 Đường Kênh, Tổ 20, Phường Nam Định, Tỉnh Ninh Bình No. 40 Duong Kenh, Group 20, Nam Dinh Ward, Ninh Binh Province, Vietnam.	03/06/2022			Mẹ đẻ Mother
11.6	Đặng Thị Vân Anh	Chưa có None	Không None	036175008144 cấp ngày Ngày cấp của c 21/3/2023 tại Cục Cảnh sát QLHC về TTXH ID No. 036175008144, issued on 21 March 2023 by C06 – Ministry of Public Security.	P2508, Tòa nhà N01a, Trung tâm Thương mại, Dịch vụ , Nhà ở Golden – Land Building, Số 275 Nguyễn Trãi, Phường Khương Đình, TP.Hà Nội Apartment P2508, Building N01A,	03/06/2022			Chị ruột Older sister

					Golden Land Complex (Commercial, Service and Residential Center), No. 275 Nguyen Trai Street, Khuong Dinh Ward, Hanoi, Vietnam.				
11.7	Phạm Quang Hùng	Chưa có None	Không None	024077000630 cấp ngày Ngày cấp của c 21/11/2023 tại Cục Cảnh sát QLHC về TTXH ID No. 024077000630, issued on 21 November 2023 by C06 – Ministry of Public Security.	P2508, Tòa nhà N01a, Trung tâm Thương mại, Dịch vụ , Nhà ở Golden – Land Building, Số 275 Nguyễn Trãi, Phường Khương Đình, TP.Hà Nội Apartment P2508, Building N01A, Golden Land Complex (Commercial, Service and Residential Center), No. 275 Nguyen Trai Street, Khuong Dinh	03/06/2022			Anh rể Brother-in-law

					Ward, Hanoi, Vietnam.				
11.8	Nguyễn Văn Hoàn	Chưa có None	Không None	031057009390 cấp ngày 6/10/2022 tại Cục Cảnh sát QLHC về TTXH ID No. 031057009390, issued on 06 October 2022 by C06 – Ministry of Public Security.	Số 2/31/53 Vũ Chí Thắng, Phường An Biên, TP.Hải Phòng No. 2/31/53 Vu Chi Thang Street, An Bien Ward, Hai Phong City, Vietnam.	03/06/2022			Bố chồng Father – in - law
11.9	Nguyễn Thị Kim Yến	Chưa có None	Không None	031161003861 cấp ngày 29/04/2021 tại Cục Cảnh sát QLHC về TTXH ID No. 031161003861, issued on 29 April 2021 by C06 – Ministry of Public Security.	Số 2/31/53 Vũ Chí Thắng, Phường An Biên, TP.Hải Phòng No. 2/31/53 Vu Chi Thang Street, An Bien Ward, Hai Phong City, Vietnam.	03/06/2022			Mẹ chồng Mother – in - law
	Tổ Chức/Organization								
11.10	Công ty Cổ phần Cảng Dịch vụ Dầu khí Đình Vũ Dinhvu Petroleum Services port Joint stock Company			ĐKKD số 0200754420 cấp lần 08 ngày 20/11/2025. Nơi cấp: Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế	KCN Đình Vũ, Phường Đông Hải, TP.Hải Phòng, Việt Nam Đình Vũ	28/06/2024			TV BKS Member of the Board of Supervisors

				hoạch và Đầu tư TP.Hải Phòng Business Registration No. 0200754420 (8th issuance), issued on 20 November 2025 by the Business Registration Office – Hai Phong Department of Planning and Investment.	Industrial Zone, Dong Hai Ward, Hai Phong, Vietnam				
12	Lê Thanh Tú	Chưa có None	TV BKS Member of the Board of Supervisors	031081010526 cấp ngày 01/05/2021 tại Cục Cảnh sát QLHC về TTXH ID No. 031081010526, issued on 01 May 2021 by C06 – Ministry of Public Security.	Số 5 BS2 PG An Đồng – Phường An Hải – TP.Hải Phòng No. 5, BS2, PG An Dong, An Hai Ward, Hai Phong City, Vietnam.	28/06/2024			TV BKS Member of the Board of Supervisors
12.1	Phạm Thị Hạnh	7677	Không None	003184006163 cấp ngày 22/05/2023 tại Cục Cảnh sát QLHC về TTXH ID No. 003184006163, issued on 22 May 2023 by	Số 5 BS2 PG An Đồng – Phường An Hải – TP.Hải Phòng No. 5, BS2, PG An Dong, An Hai Ward, Hai Phong City,	28/06/2024			Vợ Wife

				<i>C06 – Ministry of Public Security.</i>	<i>Vietnam.</i>				
12.2	Lê Thanh Hà (Còn nhỏ)	Chưa có <i>None</i>	Không <i>None</i>		Số 5 BS2 PG An Đồng – Phường An Hải – TP.Hải Phòng <i>No. 5, BS2, PG An Dong, An Hai Ward, Hai Phong City, Vietnam.</i>	28/06/2024			Con đẻ <i>Biological child</i>
12.3	Lê Thanh Sơn (Còn nhỏ)	Chưa có <i>None</i>	Không <i>None</i>		Số 5 BS2 PG An Đồng – Phường An Hải – TP.Hải Phòng <i>No. 5, BS2, PG An Dong, An Hai Ward, Hai Phong City, Vietnam.</i>	28/06/2024			Con đẻ <i>Biological child</i>
12.4	Lê Thanh	Chưa có <i>None</i>	Không <i>None</i>	031046001443 cấp ngày 01/05/2021 tại Cục Cảnh sát QLHC về TTXH <i>ID No. 031046001443, issued on 01 May 2021 by C06 – Ministry of Public Security.</i>	Số 5 Lô 1 PG An Đồng – Phường An Hải – TP.Hải Phòng <i>No. 5, Lot 1, PG An Dong, An Hai Ward, Hai Phong City, Vietnam.</i>	28/06/2024			Bố đẻ <i>Father</i>

12.5	Nguyễn Thị Nga	Chưa có None	Không None	030149000753 cấp ngày 20/05/2023 tại Cục Cảnh sát QLHC về TTXH ID No. 030149000753, issued on 20 May 2023 by C06 – Ministry of Public Security.	Số 5 Lô 1 PG An Đồng – Phường An Hải – TP.Hải Phòng No. 5, Lot 1, PG An Dong, An Hai Ward, Hai Phong City, Vietnam.	28/06/2024			Mẹ đẻ Mother
12.6	Lê Anh Tuấn	Chưa có None	Không None	031079007081 cấp ngày 05/05/2021 tại Cục Cảnh sát QLHC về TTXH ID No. 031079007081, issued on 05 May 2021 by C06 – Ministry of Public Security.	Số 5 Lô 1 PG An Đồng – Phường An Hải – TP.Hải Phòng No. 5, Lot 1, PG An Dong, An Hai Ward, Hai Phong City, Vietnam.	28/06/2024			Anh ruột Older brother
12.7	Phạm Văn Ty	Chưa có None	Không None	031059014170 cấp ngày 13/08/2021 tại Cục Cảnh sát QLHC về TTXH ID No. 031059014170, issued on 13 August 2021 by C06 – Ministry of Public	Tân Minh – TP. Hải Phòng Tan Minh, Hai Phong City, Vietnam.	28/06/2024			Bố vợ Father-in- law

				<i>Security.</i>					
12.8	Phạm Thị Xum	Chưa có <i>None</i>	Không <i>None</i>	031162020011 cấp ngày 20/06/2022 tại Cục Cảnh sát QLHC về TTXH <i>ID No.</i> <i>031162020011,</i> <i>issued on 20</i> <i>June 2022 by</i> <i>C06 – Ministry</i> <i>of Public</i> <i>Security.</i>	Tân Minh – TP. Hải Phòng <i>Tan Minh,</i> <i>Hai Phong</i> <i>City,</i> <i>Vietnam.</i>	28/06/2024			Mẹ vợ <i>Mother-in-</i> <i>law</i>
12.9	Phạm Văn Tuyền	Chưa có <i>None</i>	Không <i>None</i>	031087000727 cấp ngày 27/4/2024, nơi cấp Bộ Công an <i>ID No.</i> <i>031087000727,</i> <i>issued on 27</i> <i>April 2024 by</i> <i>the Ministry of</i> <i>Public Security.</i>	Tân Minh – TP. Hải Phòng <i>Tan Minh,</i> <i>Hai Phong</i> <i>City,</i> <i>Vietnam.</i>	28/06/2024			Em vợ <i>Brother-in-</i> <i>law</i>
12.10	Phạm Thị Minh Tâm	Chưa có <i>None</i>	Không <i>None</i>	034184000567 cấp ngày 11/11/2022, Cảnh sát QLHC về TTXH <i>ID No.</i> <i>034184000567,</i> <i>issued on 11</i> <i>November 2022</i> <i>by C06 –</i> <i>Ministry of</i> <i>Public Security.</i>	Số 5 Lô 1 PG An Đông – Phường An Hải – TP.Hải Phòng <i>No. 5, Lot 1,</i> <i>PG An Dong,</i> <i>An Hai Ward,</i> <i>Hai Phong</i> <i>City,</i> <i>Vietnam.</i>	28/06/2024			Chị dâu <i>Sister-in-law</i>
	<i>Tổ Chức/Organization</i>								

12.11	Công ty Cổ phần Cảng Dịch vụ Dầu khí Đình Vũ <i>Dinhvu Petroleum Services port Joint stock Company</i>			ĐKKD số 0200754420 cấp lần 08 ngày 20/11/2025. Nơi cấp: Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư TP.Hải Phòng <i>Business Registration No. 0200754420 (8th issuance), issued on 20 November 2025 by the Business Registration Office – Hai Phong Department of Planning and Investment.</i>	KCN Đình Vũ, Phường Đông Hải, TP.Hải Phòng, Việt Nam <i>Dinh Vu Industrial Zone, Dong Hai Ward, Hai Phong, Vietnam</i>	28/06/2024			TV BKS <i>Member of the Board of Supervisors</i>
-------	---	--	--	--	--	------------	--	--	---

PHỤ LỤC 03/APPENDIX 03
GIAO DỊCH GIỮA CÔNG TY VỚI NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN CỦA CÔNG TY
(kèm theo Báo cáo quản trị năm 2025 PTSC Đình Vũ)
DETAILS OF TRANSACTIONS BETWEEN THE COMPANY AND RELATED PARTIES
(Attached to the 2025 Corporate Governance Report of PTSC Dinh Vu)

TT <i>No.</i>	Tên tổ chức / cá nhân <i>Name of organization/individual</i>	Mối quan hệ liên quan với Công ty <i>Relationship with the Company</i>	Số Giấy NSH /ĐKKD <i>Owner's ID / Business Registration No.</i>	Ngày cấp Giấy NSH /ĐKKD <i>Date of issue</i>	Nơi cấp Giấy NSH /ĐKKD <i>Place of Issue</i>	Địa chỉ trụ sở chính/Địa chỉ liên hệ <i>Address</i>	Thời điểm giao dịch với Công ty <i>Transaction Date</i>	Số NQ/QĐ thông qua (nếu có) <i>Approval Resolution / Decision No.</i>	Nội dung /số lượng, tổng giá trị giao dịch <i>Description, Quantity and Total Transaction Value</i>	Ghi chú <i>Note</i>
I	Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam (PTSC) – Cổ đông nội bộ của PTSC Đình Vũ <i>PetroVietnam Technical Services Corporation (PTSC) – Internal Shareholder</i>									
1	Tổng công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam <i>PetroVietnam Technical Services Corporation</i>	Cổ đông <i>Shareholder</i>	0100150577	10/07/2015	Sở Kế hoạch và Đầu tư TP Hồ Chí Minh <i>Ho Chi Minh City Department of Planning and Investment</i>	Tòa nhà Petro Tower, Số 1-5 Lê Duẩn, Phường Sài Gòn, TP. Hồ Chí Minh <i>Petro Tower Building, No. 1-5 Le Duan Street, Sai Gon Ward, Ho Chi Minh City</i>	28/06/2024		0,047 tỷ đồng VND 0,047 billion	Dịch vụ cước đường truyền số liệu <i>Data transmission line services</i>
2	Tổng công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam <i>PetroVietnam Technical</i>	Cổ đông <i>Shareholder</i>	0100150577	10/07/2015	Sở Kế hoạch và Đầu tư TP Hồ Chí Minh <i>Ho Chi Minh City</i>	Tòa nhà Petro Tower, Số 1-5 Lê Duẩn, Phường Sài Gòn, TP. Hồ Chí Minh	30/07/2025		0,044 tỷ đồng VND 0,044 billion	Ký 03 bên với PVI South, dịch vụ Bảo hiểm trách nhiệm bên thứ ba thời

	<i>Services Corporation</i>				<i>Department of Planning and Investment</i>	Chí Minh Petro Tower Building, No. 1-5 Le Duan Street, Sai Gon Ward, Ho Chi Minh City				hiệu 2025-2026. Tripartite contract with PVI South for third-party liability insurance services, with coverage period 2025-2026.
3	Tổng công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam <i>PetroVietnam Technical Services Corporation</i>	Cổ đông <i>Shareholder</i>	0100150577	10/07/2015	Sở Kế hoạch và Đầu tư TP Hồ Chí Minh <i>Ho Chi Minh City Department of Planning and Investment</i>	Tòa nhà Petro Tower, Số 1-5 Lê Duẩn, Phường Sài Gòn, TP. Hồ Chí Minh <i>Petro Tower Building, No. 1-5 Le Duan Street, Sai Gon Ward, Ho Chi Minh City</i>	02/08/2023		0,045 tỷ đồng <i>VND 0,045 billion</i>	Ký 03 bên với BSI, Dịch vụ Đánh giá cấp chứng nhận, đánh giá giám sát hàng năm Hệ thống Quản lý chất lượng, Hệ thống Quản lý môi trường và Hệ thống Quản lý An toàn sức khỏe nghề nghiệp <i>Tripartite contract with BSI for certification assessment services and annual surveillance audits of the</i>

										Quality Management System, Environmental Management System, and Occupational Health and Safety Management System.
4	Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật PTSC Thanh Hóa <i>PTSC Thanh Hoa Technical Services Company</i>	Đơn vị thành viên của Cổ đông lớn <i>Subsidiary of Major Shareholder</i>	2801448559	13/11/2009	Sở Kế hoạch đầu tư Tỉnh Thanh Hóa <i>Thanh Hoa Provincial Department of Planning and Investment</i>	268 Trần Nhật Duật, phường Trúc Lâm, tỉnh Thanh Hóa <i>No. 268 Tran Nhat Duat Street, Truc Lam Ward, Thanh Hoa Province</i>	05/09/2025		0,11 tỷ đồng <i>VND 0,11 billion</i>	Cung cấp và thi công các công trình tạm, Cung cấp cọc và thi công ép cọc thuộc dự án mở rộng sức chứa 40.000 M3 kho xăng dầu Petec Hải Phòng <i>Supply and construction of temporary structures; supply of piles and pile driving works under the project for expansion of storage capacity to 40,000 m³ at the Petec Hai Phong petroleum depot.</i>

5	Công ty Cổ phần Dịch vụ Dầu khí Quảng Ngãi PTSC <i>PTSC Quang Ngai Joint stock company</i>	Đơn vị thành viên của Cổ đông lớn <i>Subsidiary of Major Shareholder</i>	4300351623	25/04/2007	Sở kế hoạch đầu tư tỉnh Quảng Ngãi <i>Quang Ngai Provincial Department of Planning and Investment</i>	Lô 4H đường Tôn Đức Thắng, phường Nghĩa Lộ, tỉnh Quảng Ngãi <i>Lot 4H, Ton Duc Thang Street, Nghia Lo Ward, Quang Ngai Province</i>	19/07/2025		0,48 tỷ đồng <i>VND 0,48 billion</i>	Cung cấp dịch vụ vận chuyển từ Hải Phòng – Dung Quất <i>Provision of transportation services from Hai Phong to Dung Quat.</i>
6	Công ty TNHH MTV Dịch vụ Cơ khí Hàng Hải PTSC <i>PTSC Mechanical and construction limited company</i>	Đơn vị thành viên của Cổ đông lớn <i>Subsidiary of Major Shareholder</i>	3500790168	27/03/2007	Sở kế hoạch đầu tư tỉnh Bà Rịa -Vũng Tàu <i>Ba Ria – Vung Tau Provincial Department of Planning and Investment</i>	Số 31 đường 30/4, phường Tam Thắng, TP Hồ Chí Minh, Việt Nam <i>No. 31, 30/4 Street, Tam Thang Ward, Ho Chi Minh City, Vietnam</i>	22/04/2025		1,51 tỷ đồng <i>VND 1,5 billion</i>	Cung cấp dịch vụ vận chuyển, Logistic <i>Provision of transportation and logistics services.</i>
7	Công ty TNHH Khách sạn Dầu khí PTSC <i>Petro Hotel Company limited</i>	Đơn vị thành viên của Cổ đông lớn <i>Subsidiary of Major Shareholder</i>	3501400999	26/05/2021	Sở Kế hoạch – Đầu tư – Tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu <i>Ba Ria – Vung Tau Provincial Department of Planning and Investment</i>	Số 09–11, đường Hoàng Diệu, phường Vũng Tàu, TP Hồ Chí Minh <i>No. 09–11, Hoang Dieu Street, Vung Tau Ward, Ho Chi Minh City</i>	30/10/2025		0,0007 tỷ đồng <i>VND 0,0007 billion</i>	Dịch vụ khách sạn <i>Hotel services.</i>
8	Tập đoàn Công nghiệp –	Cổ đông lớn PTSC	0100681592	11/08/1998	Hà Nội <i>Hanoi</i>	Số 18 phố Láng Hạ,	14/01/2022		0,10 tỷ đồng <i>VND 0,10billion</i>	Hợp đồng chuyển

	Năng lượng Quốc gia Việt Nam (PVN) <i>Vietnam National Industry - Energy Group</i>	là đơn vị thành viên của PVN <i>PTSC is a member of PVN</i>				Phường Giảng Võ, Thành phố Hà Nội. <i>No. 18 Lang Ha Street, Giang Vo Ward, Hanoi</i>				quyền sử dụng nhãn hiệu PVN <i>Trademark licensing agreement for the use of the PVN trademark.</i>
II	Công ty Cổ phần Hàng hải Vsico - Cổ đông nội bộ <i>Vsico Shipping Joint stock company - Internal Shareholder since 17 September 2024</i>									
1	Công ty CP Hàng Hải Vsico <i>Vsico Shipping Joint stock company</i>	Cổ đông lớn <i>Shareholder</i>	0102195421	30/3/2007	Hà Nội <i>Hanoi</i>	Số 9 ngõ 84 phố Ngọc Khánh, phường Giảng Võ, TP. Hà Nội <i>No. 9, Alley 84 Ngoc Khanh Street, Giang Vo Ward, Hanoi</i>	T11/2009	03/QĐ-PTSCDV-HĐQT ngày /date 10/01/25	80,50 tỷ đồng <i>VND 80,50 billion</i>	Bốc dỡ, giao nhận và lưu bãi container <i>Container Handling, Delivery and Storage Services</i>
2	Công ty CP Vsico Express Hải Phòng <i>Vsico Express Hai Phong Joint stock company</i>	Đơn vị thành viên của Cổ đông <i>Subsidiary of Shareholder</i>	0200587233	15/06/2024	Hải Phòng <i>Hai Phong</i>	Phòng 315, Tầng 3, Tòa nhà Thành Đạt 1, Số 3 Lê Thánh Tông, phường Ngô Quyền, Tp. Hải Phòng <i>Room 315, 3rd Floor, Thanh Dat 1</i>	T10/2022	03/QĐ-PTSCDV-HĐQT ngày/date 10/01/25	2,55 tỷ đồng <i>VND 2,55 billion</i>	Dịch vụ nâng hạ, đóng rút container <i>Container Lifting and Stuffing and Unstuffing Services</i>

						<i>Building, No. 3 Le Thanh Tong Street, Ngo Quyen Ward, Hai Phong</i>				
3	Công ty CP Vsico Express Tây Bắc <i>Vsico Express Northwest Joint stock company</i>	Đơn vị thành viên của Cổ đồng <i>Subsidiary of Shareholder</i>	0110202626	07/02/2022	Hà Nội <i>Hanoi</i>	Số 9 ngõ 84 phố Ngọc Khánh, phường Giảng Võ, TP. Hà Nội No. 9, Alley 84 Ngoc Khanh Street, Giang Vo Ward, Hanoi	T10/2023	03/QĐ- PTSCDV- HĐQT ngày/date 10/01/25	2,57 tỷ đồng VND 2,57 billion	Dịch vụ nâng hạ, đóng rút container <i>Container Lifting and Stuffing and Unstuffing Services</i>
4	Công ty TNHH Albeta Việt Nam <i>Albetta Internatronal (Vietnam) LTD</i>	Đơn vị thành viên của Cổ đồng <i>Subsidiary of Shareholder</i>	0107761656	15/03/2017	Hà Nội <i>Hanoi</i>	Số 9 ngõ 84 phố Ngọc Khánh, phường Giảng Võ, TP. Hà Nội No. 9, Alley 84 Ngoc Khanh Street, Giang Vo Ward, Hanoi	T05/2017	03/QĐ- PTSCDV- HĐQT ngày/date 10/01/25	0,16 tỷ đồng VND 0,16 billion	Hợp đồng thuê kho <i>Warehouse Lease Contract</i>
5	Công ty TNHH Albeta Việt Nam <i>Albetta</i>	Đơn vị thành viên của Cổ đồng	0107761656	15/03/2017	Hà Nội <i>Hanoi</i>	Số 9 ngõ 84 phố Ngọc Khánh, phường	T05/2025	03/QĐ- PTSCDV- HĐQT	0,072 tỷ đồng VND 0,072 billion	HĐ mua dầu nhờn <i>Lubricant Oil Purchase</i>

	<i>Internatronal (Vietnam) LTD</i>	<i>Subsidiary of Shareholder</i>				Giảng Võ, TP. Hà Nội No. 9, Alley 84 Ngoc Khanh Street, Giang Vo Ward, Hanoi				<i>Contract</i>
6	(Công ty CP Thương mại và Hàng Hải Hà Nội) nay là Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Hàng hải Hà Nội <i>Hanoi Trading and Maritime Service Company Limited (formerly Hanoi Trading and Maritime Joint Stock Company)</i>	Đơn vị thành viên của Cổ đông <i>Subsidiary of Shareholder</i>	0101546892	25/10/2004 Đăng ký lại ngày 18/06/2018 <i>Re-registered on 18 June 2018.</i>	Hà Nội <i>Hanoi</i>	Số 9 ngõ 84 phố Ngoc Khanh, phường Giảng Võ, TP. Hà Nội No. 9, Alley 84 Ngoc Khanh Street, Giang Vo Ward, Hanoi	T07/2016	03/QĐ-PTSCDV-HĐQT ngày/date 10/01/25	5,68 tỷ đồng VND 5,68 billion	Dịch vụ nâng hạ đóng rút hàng <i>Cargo Lifting and Stuffing and Unstuffing Services</i>
7	CN Công ty CP Đầu tư và Thương mại Thiên Sơn tại Hà Nội (Nay là CN Công ty	Đơn vị thành viên của Cổ đông <i>Subsidiary of Shareholder</i>	0900615768-002	04/03/2024 Đổi tên từ ngày 21/09/2025 <i>Renamed</i>	Hà Nội <i>Hanoi</i>	Số 9 ngõ 84 phố Ngoc Khanh, phường Giảng Võ, TP. Hà Nội	T04/2024	03/QĐ-PTSCDV-HĐQT ngày/date 10/01/25	2,35 tỷ đồng VND 2,35 billion	Dịch vụ nâng hạ container <i>Container Lifting Services</i>

CP Vsico Express Đông Nam tại Hà Nội			<i>effective from 21 September 2025</i>		No. 9, Alley 84 Ngoc Khanh Street, Giang Vo Ward, Hanoi				
<i>Branch of Thien Son Trading and Investment Joint Stock Company in Hanoi (currently Branch of Vsico Express Southeast Joint Stock Company in Hanoi)</i>									

PHỤ LỤC 04/APPENDIX 04
GIAO DỊCH GIỮA CÔNG TY VỚI ĐỐI TƯỢNG KHÁC
(kèm theo Báo cáo quản trị năm 2025 PTSC Đình Vũ)
TRANSACTIONS BETWEEN THE COMPANY AND OTHER ENTITIES
(Attached to the 2025 Corporate Governance Report of PTSC Dinh Vu)

4.1 Giao dịch giữa Công ty với Công ty mà Thành viên HĐQT, thành viên BKS, Giám đốc và người quản lý đã và đang là thành viên sáng lập hoặc thành viên HĐQT, Giám đốc (Tổng Giám đốc) điều hành trong thời gian ba (03) năm trở lại đây (tính tại thời điểm lập báo cáo)

Transactions between the Company and enterprises in which members of the Board of Directors, members of the Board of Supervisors, the Director and other managers have been or are founding members, members of the Board of Directors, Directors or executive General Directors during the last three (03) years (as of the reporting date).

STT <i>No.</i>	Số, mã hiệu Hợp đồng <i>Contract No./Reference</i>	Nội dung Hợp đồng <i>Contract Description</i>	Đối tác /Khách hàng <i>Counterparty /Customer</i>	Ngày ký kết <i>Execution</i> <i>Date</i>	Thời hạn <i>Contract</i> <i>Term</i>
<i>1</i>	<i>2</i>	<i>3</i>	<i>4</i>	<i>5</i>	<i>6</i>
01	39-1/HĐ/PTSCĐV-VEX 2022/BDV	Dịch vụ nâng hạ, đóng rút container <i>Container Lifting and Stuffing and Unstuffing Services</i>	Công ty Cổ phần Vsico Express Hải Phòng <i>Vsico Express Hai Phong Joint stock company</i>	01/09/2022	31/01/2024
02	08-1/HĐ/PTSCĐV-VEX 2024/BDV	Dịch vụ nâng hạ, đóng rút container <i>Container Lifting and Stuffing and Unstuffing Services</i>	Công ty Cổ phần Vsico Express Hải Phòng <i>Vsico Express Hai Phong Joint stock company</i>	01/02/2024	31/03/2025
03	18/HĐ/PTSCĐV-VEXHP 2025/BDV	Dịch vụ nâng hạ, đóng rút container <i>Container Lifting and Stuffing and Unstuffing Services</i>	Công ty Cổ phần Vsico Express Hải Phòng <i>Vsico Express Hai Phong Joint stock company</i>	25/03/2025	31/03/2026

4.2 Giao dịch giữa công ty với công ty mà người có liên quan của thành viên HĐQT, thành viên Ban Kiểm soát, Giám đốc và người quản lý khác là thành viên HĐQT, Giám đốc điều hành: Không có giao dịch

Transactions between the Company and enterprises in which related persons of members of the Board of Directors, members of the Board of Supervisors, the Director and other managers are members of the Board of Directors or executive Directors: None.

4.3 Các giao dịch khác của công ty (nếu có) có thể mang lại lợi ích vật chất hoặc phi vật chất đối với thành viên HĐQT, thành viên Ban Kiểm soát, Giám đốc và người quản lý khác: Không có giao dịch

Other transactions of the Company (if any) that may result in material or non-material benefits to members of the Board of Directors, members of the Board of Supervisors, the Director and other managers: None.

PHỤ LỤC 05/APPENDIX 05
DANH SÁCH NGƯỜI NỘI BỘ VÀ NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN
(kèm theo Báo cáo quản trị năm 2025 PTSC Đình Vũ)
LIST OF INTERNAL PERSONS AND RELATED PERSONS
(Attached to the 2025 Corporate Governance Report of PTSC Dinh Vu)

TT No.	Tên tổ chức / cá nhân Name of organization/individual	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) Securities trading account (if any)	Chức vụ tại công ty (nếu có) Position in the Company (if any)	Số CMND/Hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp ID/Passport No., Date of Issue, Place of Issue	Địa chỉ liên hệ Contact Address	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ Shares held at the end of the period	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ Shareholdi ng ratio at the end of the period	Ghi chú Note
1	Nguyễn Hải Bằng	45050538	Chủ tịch HĐQT Chairman	001074040828 cấp ngày 09/06/2023 tại Cục cảnh sát QLHC về TTXH ID No. 001074040828 – issued on 09 June 2023 by C06 (Ministry of Public Security).	P2001, B4 Kim Liên, TP.Hà Nội P2001, B4 Kim Lien, Hanoi, Vietnam.	4.000	0,01%	Đại diện góp vốn của Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam, CTHĐQT Capital Representative of PetroVietnam Technical Services Corporation (PTSC), Chairman.
1.1	Dương Thị Thu Hân	Chưa có None	Không None	025182011441 cấp ngày 24/07/2021 tại Cục cảnh sát QLHC về TTXH	P2001, B4 Kim Liên, TP.Hà Nội P2001, B4 Kim Lien, Hanoi, Vietnam.	0	0	Vợ Wife

				ID No. 025182011441, issued on 24 July 2021 by C06 – Ministry of Public Security				
1.2	Nguyễn Châu Anh	Chưa có None	Không None	031304002492 cấp ngày 20/7/2021 tại Cục cảnh sát QLHC về TTXH ID No. 031304002492, issued on 20 July 2021 by C06 – Ministry of Public Security.	P2001, B4 Kim Liên, TP.Hà Nội P2001, B4 Kim Lien, Hanoi, Vietnam.	0	0	Con đẻ Biological child
1.3	Nguyễn Hà Phương	Chưa có None	Không None	031308007768 cấp ngày 25/10/2022 tại Cục cảnh sát QLHC về TTXH ID No. 031308007768, issued on 25 October 2022 by C06 – Ministry of Public Security.	P2001, B4 Kim Liên, TP.Hà Nội P2001, B4 Kim Lien, Hanoi, Vietnam.	0	0	Con đẻ Biological child
1.4	Nguyễn Hải Bình	Chưa có None	Không None	001074040828 cấp ngày 09/06/2023 tại Cục cảnh sát QLHC về TTXH ID No. 001074040828, issued on 09 June	P2001, B4 Kim Liên, TP.Hà Nội P2001, B4 Kim Lien, Hanoi, Vietnam.			Con đẻ Biological child

				2023 by C06 – Ministry of Public Security.				
1.5	Trương Thị Phương Dung	Chưa có None	Không None	038141007938 cấp ngày 31/08/2021 tại Cục cảnh sát QLHC về TTXH ID No. 038141007938, issued on 31 August 2021 by C06 – Ministry of Public Security.	27 Văn Cao, P. Gia viên, TP.Hải Phòng No. 27 Van Cao Street, Gia Vien Ward, Hai Phong City, Vietnam.	0	0	Mẹ đẻ Mother
1.6	Nguyễn Hải Ba	Chưa có None	Không None	0310690004718 cấp ngày 12/08/2021, Cục cảnh sát QLHC về TTXH ID No. 0310690004718, issued on 12 August 2021 by C06 – Ministry of Public Security.	09 Tô Vũ, P. Gia Viên, TP.Hải Phòng No. 09 To Vu Street, Gia Vien Ward, Hai Phong City, Vietnam.	0	0	Anh ruột Older brother
1.7	Dương Vĩnh Tường	Chưa có None	Không None	025047000778 cấp ngày 25/04/2021 tại Cục cảnh sát QLHC về TTXH ID No. 025047000778, issued on 25 April 2021 by C06 – Ministry of Public Security.	Khu 8, Đại Phạm, Tỉnh Phú Thọ Zone 8, Dai Pham Commune, Phu Tho Province, Vietnam.	0	0	Bố vợ Father-in-law
1.8	Lương Thị Phiến	Chưa có	Không	015147000181	Khu 8, Đại	0	0	Mẹ vợ

		None	None	cấp ngày 16/04/2021 tại Cục cảnh sát QLHC về TTXH ID No. 015147000181, issued on 16 April 2021 by C06 – Ministry of Public Security.	Phạm, Tỉnh Phú Thọ Zone 8, Dai Pham Commune, Phu Tho Province, Vietnam.			Mother-in-law
1.9	Ngô Kiều Anh	Chưa có None	Không None	038171012373 cấp ngày 23/04/2021, Cục cảnh sát QLHC về TTXH ID No. 038171012373, issued on 23 April 2021 by C06 – Ministry of Public Security.	09/193 Xóm Trung, Ngô Quyên, TP.Hải PhòngNo. 09/193, Xom Trung, Ngo Quyên District, Hai Phong City, Vietnam.	0	0	Chị dâu Sister-in-law
	Tổ chức							
1.10	Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam PetroVietnam Technical Services Corporation			ĐKKD số 0100150577 cấp ngày 10/07/2015, Nơi cấp: Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh Business Registration No. 0100150577, issued on 10 July 2015 by the Ho Chi Minh City Department of Planning and	Tòa nhà Petro Tower, Số 1-5 Lê Duẩn, P. Sài Gòn, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam Petro Tower Building, No. 1– 5 Le Duan Street, Sai Gon Ward, Ho Chi Minh City, Vietnam.	20.400.000	51%	Người Đại diện phần vốn góp Capital Representative

				<i>Investment.</i>				
2	Nguyễn Hữu Hoan	Chưa có None	Thành viên HĐQT Member of the Board of Director	038080010877 cấp ngày 05/08/2022 tại Cục Cảnh sát QLHC về TTXH. ID No. 038080010877, issued on 05 August 2022 by C06 – Ministry of Public Security.	02/103 Lý Nam Đề, phường Hạc Thành, tỉnh Thanh Hóa No. 02/103 Ly Nam De Street, Hac Thanh Ward, Thanh Hoa Province, Vietnam.	0	0	Thành viên HĐQT Member of the Board of Director
2.1	Nguyễn Hữu Tuân	Chưa có None	Không None	038045001756 cấp ngày 04/12/2021 tại Cục Cảnh sát QLHC về TTXH ID No. 038045001756, issued on 04 December 2021 by C06 – Ministry of Public Security.	Số 06B/23, Ngõ Quyền, Điện Biên, Thanh HóaNo. 06B/23, Ngo Quyen Street, Dien Bien Ward, Thanh Hoa Province, Vietnam.	0	0	Bố đẻ Father
2.2	Nguyễn Thị Hòe							Mẹ đẻ, đã mất Mother, Deceased
2.3	Đặng Thị Thùy Dung	Chưa có None	Không None	038180038080 cấp ngày 14/8/2021 tại Cục Cảnh sát QLHC về TTXH	Số 06B/23, Ngõ Quyền, Điện Biên, Thanh HóaNo. 06B/23,	0	0	Vợ Wife

				<i>ID No. 038180038080, issued on 14 August 2021 by C06 – Ministry of Public Security.</i>	<i>Ngo Quyen Street, Dien Bien Ward, Thanh Hoa Province, Vietnam.</i>			
2.4	Nguyễn Khánh Linh	Chưa có <i>None</i>	Không <i>None</i>	038305015101 cấp ngày 17/5/2021 tại Cục Cảnh sát QLHC về TTXH <i>ID No. 038305015101, issued on 17 May 2021 by C06 – Ministry of Public Security.</i>	Số 06B/23, Ngõ Quyền, Điện Biên, Thanh Hóa. <i>No. 06B/23, Ngo Quyen Street, Dien Bien Ward, Thanh Hoa Province, Vietnam.</i>	0	0	Con đẻ <i>Biological child</i>
2.5	Nguyễn Thiên Hương	Chưa có <i>None</i>	Không <i>None</i>	038310019999 cấp ngày 09/09/2024 tại Cục Cảnh sát QLHC về TTXH <i>ID No. 038310019999, issued on 09 September 2024 by C06 – Ministry of Public Security.</i>	Số 02/103 Lý Nam Đế, Hạc Thành, Thanh Hóa. <i>No. 02/103 Ly Nam De Street, Hac Thanh Ward, Thanh Hoa Province, Vietnam.</i>	0	0	Con đẻ <i>Biological child</i>
2.6	Nguyễn Hà Trung	Chưa có <i>None</i>	Không <i>None</i>	038075028918 cấp ngày 16/12/2021 tại Cục Cảnh sát	Số 128, Đông Khói, Hàm Rồng, Thanh	0	0	Anh trai <i>Older brother</i>

				QLHC về TTXH ID No. 038075028918, issued on 16 December 2021 by C06 – Ministry of Public Security.	Hóa No. 128, Dong Khoi, Ham Rong Ward, Thanh Hoa Province, Vietnam.			
2.7	Nguyễn Thị Bích Hiền	Chưa có None	Không None	038178041259 cấp ngày 04/04/2022 tại Cục Cảnh sát QLHC về TTXH ID No. 038178041259, issued on 04 April 2022 by C06 – Ministry of Public Security.	Số 8, ngách 127/50 Văn Cao, Liễu Giai, Ba Đình, TP.Hà NộiNo. 8, Alley 127/50 Van Cao Street, Lieu Giai Ward, Ba Dinh District, Hanoi City, Vietnam.	0	0	Chị gái Older sister
2.8	Nguyễn Thị Hồng	Chưa có None	Không None	038186037017 cấp ngày 01/07/2022 tại Cục Cảnh sát QLHC về TTXH ID No. 038186037017, issued on 01 July 2022 by C06 – Ministry of Public Security.	Số 6 ngách 112/97, Ngọc Khánh, Giảng Võ, Ba Đình, TP.Hà Nội No. 6, Alley 112/97 Ngoc Khanh Street, Giang Vo Ward, Ba Dinh District, Hanoi City, Vietnam.	0	0	Em gái Younger sister
2.9	Đặng Quang Ba	Chưa có	Không	038045000182	Số 64 Nguyễn	0	0	Bố vợ

		None	None	cấp ngày 28/6/2021 tại Cục Cảnh sát QLHC về TTXH ID No. 038045000182, issued on 28 June 2021 by C06 – Ministry of Public Security.	Hồng, Tân Sơn, Thanh Hóa No. 64 Nguyen Hong Street, Tan Son Ward, Thanh Hoa Province, Vietnam.			Father-in-law
2.10	Phạm Thị Ngân	Chưa có None	Không None	038150000670 cấp ngày 08/08/2021 tại Cục Cảnh sát QLHC về TTXH ID No. 038150000670, issued on 08 August 2021 by C06 – Ministry of Public Security.	Số 64 Nguyễn Hồng, Tân Sơn, Thanh Hóa No. 64 Nguyen Hong Street, Tan Son Ward, Thanh Hoa Province, Vietnam.	0	0	Mẹ vợ Mother-in-law
2.11	Lê Thị Hà	Chưa có None	Không None	038180010823 cấp ngày 04/01/2021 tại Cục Cảnh sát QLHC về TTXH ID No. 038180010823, issued on 04 January 2021 by C06 – Ministry of Public Security.	Số 06B/23, Ngô Quyên, Điện Biên, Thanh Hóa No. 06B/23, Ngo Quyên Street, Dien Bien Ward, Thanh Hoa Province, Vietnam.	0	0	Chị dâu Sister-in-law
2.12	Trịnh Đình Huy	Chưa có None	Không None	031083004789 cấp ngày 06/06/2023 tại Cục Cảnh sát	P801, CC Ngõ 699 Trương Định, Hoàng Mai, TP.Hà Nội	0	0	Em rể Brother-in-law

				QLHC về TTXH ID No. 031083004789, issued on 06 June 2023 by C06 – Ministry of Public Security.	Apartment P801, Alley 699 Truong Dinh Street, Hoang Mai District, Hanoi City, Vietnam.			
	Tổ chức							
2.13	Công ty Cổ phần Cảng Dịch vụ Dầu khí Đình Vũ Dinhvu Petroleum Services port Joint stock Company			ĐKKD số 0200754420 cấp lần 08 ngày 20/11/2025. Nơi cấp: Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư TP.Hải Phòng Business Registration No. 0200754420 (8th issuance), issued on 20 November 2025 by the Business Registration Office – Hai Phong Department of Planning and Investment.	KCN Đình Vũ, Phường Đông Hải, TP.Hải Phòng, Việt Nam Dinh Vu Industrial Zone, Dong Hai Ward, Hai Phong, Vietnam	0	0	Phó Giám đốc Deputy Director
3	Lê Trọng Quân	Chưa có None	Thành viên HĐQT Member of the Board of Director	001076025751 Ngày cấp: 10/07/2021 tại Cục CSQLHC về TTXH ID No. 001076025751,	14 Ngách 116 Ngõ Trại Cá, Đường Trường Định, Phường Tương Mai, TP.Hà Nội	0	0	Đại diện góp vốn của Công ty cổ phần Hàng Hải VSICO, TVHĐQT Capital

				issued on 10 July 2021 by C06 – Ministry of Public Security.	No. 14, Alley 116, Trai Ca Lane, Truong Dinh Street, Tuong Mai Ward, Hanoi City, Vietnam.			Representative of VSICO Maritime Joint Stock Company, Member of the Board of Directors.
3.1	Lê Trọng Hải	Chưa có None	Không None	001045005674 Ngày cấp: 19/04/2021 tại Cục CSQLHC về TTXH ID No. 001045005674, issued on 19 April 2021 by C06 – Ministry of Public Security.	14 Ngách 116 Ngõ Trại Cá, Đường Trường Định, Phường T.Mai , TP.Hà Nội No. 14, Alley 116, Trai Ca Lane, Truong Dinh Street, Tuong Mai Ward, Hanoi City, Vietnam.	0	0	Bố đẻ Father
3.2	Bùi Thị Tài	Chưa có None	Không None	001150012251 Ngày cấp: 19/04/2021 tại Cục CSQLHC về TTXH ID No. 001150012251, issued on 19 April 2021 by C06 – Ministry of Public Security.	14 Ngách 116 Ngõ Trại Cá, Đường Trường Định, Phường T.Mai, TP.Hà Nội No. 14, Alley 116, Trai Ca Lane, Truong Dinh Street, Tuong Mai Ward, Hanoi	0	0	Mẹ đẻ Mother

					City, Vietnam.			
3.3	Nguyễn Quang Dật	Chưa có None	Không None	001054001308 Ngày cấp: 29/04/2021 tại Cục CSQLHC về TTXH ID No. 001054001308, issued on 29 April 2021 by C06 – Ministry of Public Security.	146 Ngõ Trại Cá, Đường Trương Định, Phường Tương Mai, TP.Hà Nội No. 14, Alley 116, Trai Ca Lane, Truong Dinh Street, Tuong Mai Ward, Hanoi City, Vietnam.	0	0	Bố vợ Father-in-law
3.4	Lê Thị Sinh	Chưa có None	Không None	001156014745 Ngày cấp: 14/04/2021 tại Cục CSQLHC về TTXH ID No. 001156014745, issued on 14 April 2021 by C06 – Ministry of Public Security.	146 Ngõ Trại Cá, Đường Trương Định, Phường Tương Mai, TP.Hà Nội No. 146, Trai Ca Lane, Truong Dinh Street, Tuong Mai Ward, Hanoi City, Vietnam.	0	0	Mẹ vợ Mother-in-law
3.5	Nguyễn Thị Hoa	Chưa có None	Không None	001176026033 Ngày cấp: 10/07/2021 tại Cục CSQLHC về TTXH ID No. 001176026033, issued on 10 July	14 Ngách 116 Ngõ Trại Cá, Đường Trường Định, Phường Tương Mai, TP.Hà Nội No. 14, Alley	0	0	Vợ Wife

				2021 by C06 – Ministry of Public Security.	116, Trai Ca Lane, Truong Dinh Street, Tuong Mai Ward, Hanoi City, Vietnam.			
3.6	Lê Trọng Nghĩa	Chưa có None	Không None	001174010771 Ngày cấp: 10/07/2021 tại Cục CSQLHC về TTXH ID No. 001174010771, issued on 10 July 2021 by C06 – Ministry of Public Security.	14 Ngách 116 Ngõ Trại Cá, Đường Trường Định, Phường Tương Mai, TP.Hà Nội No. 14, Alley 116, Trai Ca Lane, Truong Dinh Street, Tuong Mai Ward, Hanoi City, Vietnam.	0	0	Con đẻ Biological child
3.7	Lê Minh Châu	Chưa có None	Không None	001206002254 Ngày cấp: 11/06/2024 tại Cục CSQLHC về TTXH ID No. 001206002254, issued on 11 June 2024 by C06 – Ministry of Public Security.	14 Ngách 116 Ngõ Trại Cá, Đường Trường Định, Phường Tương Mai, TP.Hà Nội No. 14, Alley 116, Trai Ca Lane, Truong Dinh Street, Tuong Mai Ward, Hanoi City, Vietnam.	0	0	Con đẻ Biological child

3.8	Lê Thị Liên Thủy	Chưa có None	Không None	001307034332 Ngày cấp: 01/11/2021 tại Cục CSQLHC về TTXH ID No. 001307034332, issued on 01 November 2021 by C06 – Ministry of Public Security.	14 Ngách 116 Ngõ Trại Cá, Đường Trường Định, Phường Tương Mai, TP.Hà Nội No. 14, Alley 116, Trai Ca Lane, Truong Dinh Street, Tuong Mai Ward, Hanoi City, Vietnam.	0	0	Chị gái Older sister
Tổ chức								
3.9	Công Ty Cổ Phần Hàng Hải VSICO Vsico Shipping Joint stock company			ĐKKD số 0102195421 cấp ngày 28/03/2007. Nơi cấp: Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư TP TP.Hà Nội Business Registration No. 0102195421, issued on 28 March 2007 by the Business Registration Office – Hanoi Department of Planning and Investment.	Số 9, ngõ 84, phố Ngọc Khánh, Phường Giảng Võ, TP Hà Nội, Việt Nam No. 9, Alley 84, Ngoc Khanh Street, Giang Vo Ward, Hanoi, Vietnam	8.840.200	22,1%	Người Đại diện phần vốn góp Capital Representative
3.10	Công ty Vsico			ĐKKD số	Số 9, ngõ 84,	0	0	Chủ tịch

	Express Miền Trung Vsico Express Central Joint stock company			0110978867 cấp ngày 04/03/2025. Nơi cấp: Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư TP Hà Nội Business Registration No. 0110978867, issued on 04 March 2025 by the Business Registration Office – Hanoi Department of Planning and Investment.	phố Ngọc Khánh, Phường Giảng Võ, TP Hà Nội, Việt Nam No. 9, Alley 84, Ngoc Khanh Street, Giang Vo Ward, Hanoi, Vietnam			HĐQT Chairman of the Board of Directors
3.11	Công ty Vsico Express Hải Phòng Vsico Express Hai Phong Joint stock company			0200587233 cấp ngày 08/06/2004. Nơi cấp: Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư TP Hà Nội Business Registration No. 0200587233, issued on 08 June 2004 by the Business Registration Office – Hanoi Department of Planning and	Phòng 315, Tầng 3, Tòa nhà Thành Đạt 1, Số 3 đường Lê Thánh Tông, Phường Gia Viên, TP. Hải Phòng, Việt Nam Room 315, 3rd Floor, Thanh Dat 1 Building, No. 3 Le Thanh Tong Street, Gia Vien Ward, Hai Phong, Vietnam	0	0	Chủ tịch HĐQT Chairman of the Board of Directors

				<i>Investment.</i>				
4	Trần Bùi Quang Long	024C047415	Thành viên HĐQT Member of the Board of Directors	030069002524 Ngày cấp: 01/11/2021 tại Cục Cảnh sát Quản lý Hành chính ID No. 030069002524, issued on 01 November 2021 by C06 – Ministry of Public Security.	07/01/06 Ngô Gia Tự, TP.Hà Nội No. 07/01/06 Ngo Gia Tu Street, Hanoi, Vietnam.	0	0	Đại diện góp vốn của Công ty cổ phần Hàng Hải VSICO, TVHĐQT Capital Representative of VSICO Maritime Joint Stock Company, Member of the Board of Directors.
4.1	Trần Mai Cảnh	Chưa có None	Không None	030037000924 Ngày cấp: 09/07/2021 tại Cục Cảnh sát Quản lý Hành chính ID No. 030037000924, issued on 09 July 2021 by C06 – Ministry of Public Security.	07/01/06 Ngô Gia Tự, TP.Hà Nội No. 07/01/06 Ngo Gia Tu Street, Hanoi, Vietnam.	0	0	Bố đẻ Father
4.2	Lê Mộng Vân	Chưa có None	Không None	030139007651 Ngày cấp: 13/05/2025 tại Cục Cảnh sát Quản lý Hành chính ID No. 030139007651, issued on 13 May	07/01/06 Ngô Gia Tự, TP.Hà Nội No. 07/01/06 Ngo Gia Tu Street, Hanoi,	0	0	Mẹ đẻ Mother

				2025 by C06 – Ministry of Public Security.	Vietnam.			
4.3	Trần Thị Huệ	Chưa có None	Không None	001159014520 cấp ngày 16/01/2022 tại Cục Cảnh sát Quản lý Hành chính ID No. 001159014520, issued on 16 January 2022 by C06 – Ministry of Public Security.	07/01/06 Ngô Gia Tự, TP.Hà Nội No. 07/01/06 Ngô Gia Tự Street, Hanoi, Vietnam.	0	0	Chị ruột Older sister
4.4	Nguyễn Tiến Vinh	Chưa có None	Không None	001055016626 cấp ngày 19/04/2021 tại Cục Cảnh sát Quản lý Hành chính ID No. 001055016626, issued on 19 April 2021 by C06 – Ministry of Public Security.	07/01/06 Ngô Gia Tự, TP.Hà Nội No. 07/01/06 Ngô Gia Tự Street, Hanoi, Vietnam.	0	0	Anh rể Brother-in-law
4.5	Trần Thị Lan	Chưa có None	Không None	001161033143 cấp ngày 10/07/2021 tại Cục Cảnh sát Quản lý Hành chính ID No. 001161033143, issued on 10 July 2021 by C06 –	Phòng 102, D1, Trung Tự Đống Đa , Hà Nội Room 102, Building D1, Trung Tu, Dong Da, Hanoi, Vietnam.	0	0	Chị ruột Older sister

				<i>Ministry of Public Security.</i>				
4.6	Phuong Ngọc Trung	Chưa có <i>None</i>	Không <i>None</i>	001057032814 cấp ngày 10/07/2021 tại Cục Cảnh sát Quản lý Hành chính <i>ID No.</i> 001057032814, <i>issued on 10 July</i> 2021 by C06 – <i>Ministry of</i> <i>Public Security.</i>	Phòng 102, D1, Trung Tự Đồng Đa , TP.Hà Nội <i>Room 102,</i> <i>Building D1,</i> <i>Trung Tu,</i> <i>Dong Da,</i> <i>Hanoi,</i> <i>Vietnam.</i>	0	0	Anh rể <i>Brother-in-law</i>
4.7	Trần Bùi Quang Dương	Chưa có <i>None</i>	Không <i>None</i>	001064019564 Ngày cấp: 01/02/2024 tại Cục Cảnh sát Quản lý Hành chính <i>ID No.</i> 030069002524, <i>issued on 01</i> <i>February 2024 by</i> C06 – <i>Ministry of</i> <i>Public Security.</i>	10 Dãy E, Lô BT07 Phường Việt Hưng, TP.Hà Nội <i>No. 10, Block</i> <i>E, Lot BT07,</i> <i>Viet Hung</i> <i>Ward, Hanoi,</i> <i>Vietnam.</i>	0	0	Anh ruột <i>Older brother</i>
4.8	Đặng Thị Thanh Thủy	Chưa có <i>None</i>	Không <i>None</i>	001172022292 Ngày cấp: 25/04/2021 tại Cục Cảnh sát Quản lý Hành chính <i>ID No.</i> 001172022292, <i>issued on 25</i> <i>April 2021 by</i> C06 – <i>Ministry of</i>	10 Dãy E, Lô BT07 Phường Việt Hưng, TP.Hà Nội <i>No. 10, Block</i> <i>E, Lot BT07,</i> <i>Viet Hung</i> <i>Ward, Hanoi,</i> <i>Vietnam.</i>	0	0	Chị dâu <i>Sister-in-law</i>

				<i>Public Security.</i>				
4.9	Trần Khánh Linh	Chưa có	Không	001304012449 Ngày cấp: 19/04/2022 tại Cục Cảnh sát Quản lý Hành chính ID No. 001304012449 , issued on 19 April 2021 by C06 – Ministry of Public Security.	07/01/06 Ngô Gia Tự, TP.Hà Nội No. 07/01/06 Ngo Gia Tu Street, Hanoi, Vietnam.	0	0	Con đẻ <i>Biological child</i>
4.10	Trần Minh Anh	Chưa có	Không	001309003264 Ngày cấp: 20/03/2023 tại Cục Cảnh sát Quản lý Hành chính ID No. 001309003264 , issued on 20 March 2021 by C06 – Ministry of Public Security.	07/01/06 Ngô Gia Tự, TP.Hà Nội No. 07/01/06 Ngo Gia Tu Street, Hanoi, Vietnam.	0	0	Con đẻ <i>Biological child</i>
	Tổ chức							
4.11	Công Ty Cổ Phần Hàng Hải VSICO <i>Vsico Shipping Joint stock company</i>			ĐKKD số 0102195421 cấp ngày 28/03/2007. Nơi cấp: Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư TP TP.Hà Nội <i>Business Registration No.</i>	Số 9, ngõ 84, phố Ngọc Khánh, Phường Giảng Võ, TP Hà Nội, Việt Nam <i>No. 9, Alley 84, Ngoc Khanh Street, Giang Vo Ward, Hanoi,</i>	8.840.200	22,1%	Người Đại diện phần vốn góp <i>Capital Representative</i>

				0102195421, issued on 28 March 2007 by the Business Registration Office – Hanoi Department of Planning and Investment.	Vietnam			
5	Nguyễn Chí Trung	Chưa có None	Thành viên HĐQT /Giám đốc/ Người đại diện pháp luật Member of the Board of Directors, Directors, Legal Representat ive	031072000350 Ngày cấp: 16/06/2023 tại Cục CSQLHC về TTXH ID No. 031072000350, issued on 16 June 2023 by C06 – Ministry of Public Security.	Số 22 đường Tài Lộc 14, khu đô thị Vinh Vũ Yên, TP.Hải Phòng No. 22 Tai Loc 14 Street, Vin Vu Yen Urban Area, Hai Phong City.	2.400	0,006%	Đại diện góp vốn của Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam, TVHĐQT, Giám đốc, Người đại diện pháp luật Capital Representative of PetroVietnam Technical Services Corporation (PTSC), Member of the Board of Directors, Director; Legal Representative
5.1	Phạm Thị Hạnh	Chưa có None	Không None	031172004104 Ngày cấp: 10/08/2021 tại Cục CSQLHC về	Số 22 đường Tài Lộc 14, khu đô thị Vinh Vũ Yên,	0	0	Vợ Wife

				TTXH ID No. 031172004104, issued on 10 August 2021 by C06 – Ministry of Public Security.	TP.Hải Phòng No. 22 Tai Loc 14 Street, Vin Vu Yen Urban Area, Hai Phong City.			
5.2	Nguyễn Phạm Bảo Ngọc	Chưa có None	Không None	031301006006 cấp ngày 04/11/2022 tại Cục CS QLHC về TTXH ID No. 031301006006, issued on 04 November 2022 by C06 – Ministry of Public Security.	Số 22 đường Tai Lộc 14, khu đô thị Vin Vũ Yên, TP.Hải Phòng No. 22 Tai Loc 14 Street, Vin Vu Yen Urban Area, Hai Phong City.	0	0	Con đẻ Biological child
5.3	Nguyễn Huy Hoàng	Chưa có None	Không None	031206017766 cấp ngày 30/09/2021 tại Cục CS QLHC về TTXH ID No. 031206017766, issued on 30 September 2021 by C06 – Ministry of Public Security.	Số 22 đường Tai Lộc 14, khu đô thị Vin Vũ Yên, TP.Hải Phòng No. 22 Tai Loc 14 Street, Vin Vu Yen Urban Area, Hai Phong City.	0	0	Con đẻ Biological child
5.4	Bùi Thị Nguyên	Chưa có None	Không None	031145006245 cấp ngày 22/08/2022, tại Cục CS QLHC về TTXH ID No.	15/190 đường Lê Lai, Phường Ngô quyền, TP Hải Phòng. 15/190 Le Lai	0	0	Mẹ đẻ Mother

				031145006245, issued on 22 August 2022 by C06 – Ministry of Public Security.	Street, Ngo Quyên Ward, Hai Phong City, Vietnam.			
5.5	Nguyễn Thu Hà	Chưa có None	Không None	031164000016 cấp ngày 12/08/2021 tại Cục CS QLHC về TTXH ID No. 031164000016, issued on 12 August 2021 by C06 – Ministry of Public Security.	44/190 Lê lai, Phường Ngô quyên, TP.Hải Phòng. 44/190 Le Lai Street, Ngo Quyên Ward, Hai Phong City, Vietnam.	0	0	Chị ruột Older sister
5.6	Nguyễn Thị Thu Hiền	Chưa có None	Không None	031167008429 cấp ngày 31/08/2021 tại Cục CS QLHC về TTXH ID No. 031167008429, issued on 31 August 2021 by C06 – Ministry of Public Security.	1/1/30/152 đường Lê Lai, Phường Ngô Quyên, TP.Hải Phòng. 1/1/30/152 Le Lai Street, Ngo Quyên Ward, Hai Phong City, Vietnam.	0	0	Chị ruột Older sister
5.7	Nguyễn Anh Dũng	Chưa có None	Không None	031074008057 cấp ngày 02/07/2021 tại Cục CS QLHC về TTXH ID No. 031074008057, issued on 02 July 2021 by C06 – Ministry of	Số 6, đường Hoàng Văn Thụ, Phường Tam Thắng, TP. Hồ Chí Minh. No. 6 Hoang Van Thu Street, Tam Thang Ward, Ho Chi Minh City,	0	0	Em ruột Younger brother

				<i>Public Security.</i>	<i>Vietnam.</i>			
5.8	Phạm Ngọc Dũng	Chưa có <i>None</i>	Không <i>None</i>	036057002163, cấp ngày 14/1/2021 tại cục QLHC về TTXH <i>ID No. 036057002163, issued on 14 January 2021 by C06 – Ministry of Public Security.</i>	44/190 Lê lai, Ngô quyền, TP.Hải phòng <i>44/190 Le Lai Street, Ngo Quyen Ward, Hai Phong City, Vietnam.</i>	0	0	Anh rể <i>Brother-in-law</i>
5.9	Vũ Thị Thanh Thuý	Chưa có <i>None</i>	Không <i>None</i>	031180000946, cấp ngày 28/1/2021 tại cục QLHC về TTXH <i>ID No. 031180000946, issued on 28 January 2021 by C06 – Ministry of Public Security.</i>	Số 6, đường Hoàng Văn Thụ, Phường Tam Thắng, TP. HCM <i>No. 6 Hoang Van Thu Street, Tam Thang Ward, Ho Chi Minh City, Vietnam.</i>	0	0	Em dâu <i>Sister – in - law</i>
	Tổ chức							
5.10	Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam <i>PetroVietnam Technical Services Corporation</i>			ĐKKD số 0100150577 cấp ngày 10/07/2015, Nơi cấp: Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh <i>Business Registration No. 0100150577, issued on 10 July 2015 by the Ho Chi Minh City Department of Planning and</i>	Tòa nhà Petro Tower, Số 1-5 Lê Duẩn, P. Sài Gòn, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam <i>Petro Tower Building, No. 1–5 Le Duan Street, Sai Gon Ward, Ho Chi Minh City, Vietnam.</i>	20.400.000	51%	Người Đại diện phần vốn góp <i>Capital Representative</i>

				<i>Investment.</i>				
5.11	Công ty Cổ phần Đầu tư Xây lắp Dầu khí Duyên Hải <i>Duyen Hai Petro Construction Investment Joint Stock Company</i>			ĐKKD số 0201093188 cấp ngày 10/07/2015, Nơi cấp: Sở Kế hoạch và Đầu tư TP.Hải Phòng <i>Business Registration No. 0201093188, issued on 10 July 2015 by the Hai Phong Department of Planning and Investment.</i>	Số 441, đường Đà Nẵng, Phường Đông Hải, TP.Hải Phòng, Việt Nam <i>No. 441 Da Nang Street, Dong Hai Ward, Hai Phong, Vietnam.</i>	0	0	Thành viên HĐQT/ Người Đại diện phần vốn góp <i>Member of the Board of Directors / Capital Representative</i>
6	Vũ Ngọc Phách	Chưa có <i>None</i>	Phó GD <i>Deputy Director</i>	036072000108 Cấp ngày 27/12/2021 tại Cục CS QLHC về TTXH <i>ID No. 036072000108, issued on 27 December 2021 by C06 – Ministry of Public Security.</i>	P4.8 Nhà A4 Làng Quốc tế Thăng Long – Cầu Giấy – TP.Hà Nội <i>Apartment P4.8, Building A4, Thang Long International Village, Cau Giay District, Hanoi, Vietnam.</i>	0	0	Phó GD <i>Deputy Director</i>
6.1	Trần Thị Thu	Chưa có <i>None</i>	Không <i>None</i>	034176005972 cấp ngày 10/04/2021 tại Cục CS QLHC về TTXH <i>ID No. 034176005972, issued on 10 April 2021 by</i>	P4.8 Nhà A4 Làng Quốc tế Thăng Long – Cầu Giấy – TP.Hà Nội <i>Apartment P4.8, Building A4, Thang Long International</i>	0	0	Vợ <i>Wife</i>

				<i>C06 – Ministry of Public Security.</i>	<i>Village, Cau Giay District, Hanoi, Vietnam.</i>			
6.2	Vũ Ngọc Minh	Chưa có <i>None</i>	Không <i>None</i>	001204009841 cấp ngày 13/05/2021 tại Cục CS QLHC về TTXH <i>ID No.</i> <i>001204009841,</i> <i>issued on 13 May</i> <i>2021 by C06 –</i> <i>Ministry of</i> <i>Public Security.</i>	P4.8 Nhà A4 Làng Quốc tế Thăng Long – Cầu Giấy – TP.Hà Nội <i>Apartment P4.8,</i> <i>Building A4,</i> <i>Thang Long</i> <i>International</i> <i>Village, Cau</i> <i>Giay District,</i> <i>Hanoi, Vietnam.</i>	0	0	Con đẻ <i>Biological</i> <i>child</i>
6.3	Vũ Ngọc Châu	Chưa có <i>None</i>	Không <i>None</i>	034306000224 cấp ngày 18/01/2021 tại Cục CS QLHC về TTXH <i>ID No.</i> <i>034306000224,</i> <i>issued on 18</i> <i>January 2021 by</i> <i>C06 – Ministry of</i> <i>Public Security.</i>	P4.8 Nhà A4 Làng Quốc tế Thăng Long – Cầu Giấy – TP.Hà Nội <i>Apartment P4.8,</i> <i>Building A4,</i> <i>Thang Long</i> <i>International</i> <i>Village, Cau</i> <i>Giay District,</i> <i>Hanoi, Vietnam.</i>	0	0	Con đẻ <i>Biological</i> <i>child</i>
6.4	Vũ Ngọc Lạng (đã mất)	Chưa có <i>None</i>	Không <i>None</i>	Đã mất <i>(Deceased)</i>	P4.8 Nhà A4 Làng Quốc tế Thăng Long – Cầu Giấy – TP.Hà Nội <i>Apartment P4.8,</i> <i>Building A4,</i> <i>Thang Long</i> <i>International</i> <i>Village, Cau</i>	0	0	Bố đẻ <i>Father</i>

					<i>Giay District, Hanoi, Vietnam.</i>			
6.5	Đỗ Thị Tâm	Chưa có <i>None</i>	Không <i>None</i>	036146010024 cấp ngày 24/7/2021 tại Cục CS QLHC về TTXH <i>ID No.</i> 036146010024, issued on 24 July 2021 by C06 – Ministry of Public Security.	P4.8 Nhà A4 Làng Quốc tế Thăng Long – Cầu Giấy – TP.Hà Nội <i>Apartment P4.8, Building A4, Thang Long International Village, Cau Giay District, Hanoi, Vietnam.</i>	0	0	Mẹ đẻ <i>Mother</i>
6.6	Vũ Ngọc Phan	Chưa có <i>None</i>	Không <i>None</i>		Cư trú tại nước ngoài <i>Currently residing abroad.</i>	0	0	Anh ruột <i>Older brother</i>
7	Vũ Văn Hùng	Chưa có <i>None</i>	Phó GD <i>Deputy Director</i>	031069000022 Cấp ngày 23/03/2023 tại Cục CS QLHC về TTXH <i>ID No.</i> 031069000022, issued on 23 March 2023 by C06 – Ministry of Public Security.	B13.01 KĐT Hoàng Huy Mall - Phường Lê Chân - TP.Hải Phòng <i>B13.01, Hoang Huy Mall Urban Area, Le Chan Ward, Hai Phong City</i>	0	0	Phó GD <i>Deputy Director</i>
7.1	Nguyễn Thị Nhâm	Chưa có <i>None</i>	Không <i>None</i>	031173016614 Cấp ngày 16/08/2021 tại Cục CS QLHC về TTXH <i>ID No.</i> 031173016614, issued on 16	B13.01 KĐT Hoàng Huy Mall - Phường Lê Chân - TP.Hải Phòng <i>B13.01, Hoang Huy Mall Urban Area, Le Chan</i>	0	0	Vợ <i>Wife</i>

				August 2021 by C06 – Ministry of Public Security.	Ward, Hai Phong City			
7.2	Vũ Quang Hưng	Chưa có None	Không None	031095000025 Cấp ngày 16/08/2021 tại Cục CS- ĐKQLCT&DLQ G về DC ID No. 031095000025, issued on 16 August 2021 by C06 – Ministry of Public Security.	B13.01 KĐT Hoàng Huy Mall - Phường Lê Chân - TP.Hải Phòng B13.01, Hoang Huy Mall Urban Area, Le Chan Ward, Hai Phong City	0	0	Con đẻ Biological child
7.3	Vũ Ngọc Anh	Chưa có None	Không None	031302005454 Cấp ngày 02/07/2021 tại Cục CS- ĐKQLCT&DLQ G về DC ID No. 031302005454, issued on 02 July 2021 by C06 – Ministry of Public Security.	B13.01 KĐT Hoàng Huy Mall- Phường Lê Chân - TP.Hải Phòng B13.01, Hoang Huy Mall Urban Area, Le Chan Ward, Hai Phong City	0	0	Con đẻ Biological child
7.4	Vũ Thị Huyền	Chưa có None	Không None	031148001617 cấp ngày 17/4/2023 tại Cục CS quản lý HC về TTXH ID No. 031148001617, issued on 17 April 2023 by C06 – Ministry of	61 Cầu Cáp-An Biên – TP TP.Hải Phòng No. 61 Cau Cap Street, An Bien Ward, Hai Phong City	0	0	Chị ruột Older sister

				<i>Public Security.</i>				
7.5	Vũ Thị Ngán	Chưa có <i>None</i>	Không <i>None</i>	031154012198 cấp ngày 07/10/2021 tại Cục CS quản lý HC về TTXH <i>ID No.</i> 031154012198, <i>issued on 07</i> <i>October 2021 by</i> <i>C06 – Ministry of</i> <i>Public Security.</i>	1007/88 Lạc Long Quân Phường Bắ Hiền – TP. Hồ Chí Minh <i>No. 1007/88 Lac</i> <i>Long Quan</i> <i>Street, Bay Hien</i> <i>Ward, Ho Chi</i> <i>Minh City</i>	0	0	Chị ruột <i>Older sister</i>
7.6	Vũ Thị Hợp	Chưa có <i>None</i>	Không <i>None</i>	031156002257 cấp ngày 28/06/2021 tại Cục CS quản lý HC về TTXH <i>ID No.</i> 031156002257, <i>issued on 28 June</i> <i>2021 by C06 –</i> <i>Ministry of</i> <i>Public Security.</i>	95 Nguyễn Bình, Phường Gia Viên, TP.Hải Phòng <i>No. 95 Nguyen</i> <i>Binh Street, Gia</i> <i>Vien Ward, Hai</i> <i>Phong City</i>	0	0	Chị ruột <i>Older sister</i>
7.7	Vũ Thị Tuyết	Chưa có <i>None</i>	Không <i>None</i>	031158014314 Cấp ngày 15/11/2022 tại Cục CS quản lý HC về TTXH <i>ID No.</i> 031158014314, <i>issued on 15</i> <i>November 2022</i> <i>by C06 – Ministry</i> <i>of Public</i> <i>Security.</i>	Xã Vĩnh Am- TP.Hải Phòng Vinh Am <i>Commune, Hai</i> <i>Phong City</i>	0	0	Chị ruột <i>Older sister</i>
7.8	Vũ Văn Long	Chưa có <i>None</i>	Không <i>None</i>	031061005944 Cấp ngày	135J2 Lê Quang Định, phường	0	0	Anh ruột <i>Older brother</i>

				19/04/2021 tại Cục CS quản lý HC về TTXH ID No. 031061005944, issued on 19 April 2021 by C06 – Ministry of Public Security.	Rach Dừa, TP. Hồ Chí Minh 135J2 Le Quang Dinh Street, Rach Dua Ward, Ho Chi Minh City			
7.9	Vũ Thị Lan	Chưa có None	Không None	031162015883 cấp ngày 08/07/2022 tại Cục CS quản lý HC về TTXH ID No. 031162015883, issued on 08 July 2022 by C06 – Ministry of Public Security.	Xã Vĩnh Am- TP.Hải Phòng Vinh Am Commune, Hai Phong City	0	0	Chị ruột Older sister
7.10	Vũ Văn Dũng	Chưa có None	Không None	031065008123, cấp ngày 24/4/2021 tại Cục CS QLHC về TTXH ID No. 031065008123, issued on 24 April 2021 by C06 – Ministry of Public Security.	Số 6/194 Chợ Hàng, Phường Lê Chân, TP.Hải Phòng No. 6/194 Cho Hang Street, Le Chan Ward, Hai Phong City	0	0	Anh ruột Older brother
7.11	Nguyễn Xuân Kiều	Chưa có None	Không None	031051006311 cấp ngày 10/05/2021 tại Cục CS QLHC về TTXH ID No. 1007/88 Lạc Long Quân Phường Bắ Hiền – TP. Hồ Chí Minh No. 1007/88 Lac	1007/88 Lạc Long Quân Phường Bắ Hiền – TP. Hồ Chí Minh No. 1007/88 Lac	0	0	Anh rể Brother-in-law

				031051006311, issued on 10 May 2021 by C06 – Ministry of Public Security.	Long Quan Street, Bay Hien Ward, Ho Chi Minh City			
7.12	Nguyễn Văn Vĩnh	Chưa có None	Không None	031055005343 cấp ngày 13/08/2021 tại Cục CS QLHC về TTXH ID No. 031055005343, issued on 13 August 2021 by C06 – Ministry of Public Security.	95, Nguyễn Binh, Phường Ngô Quyền, TP.Hải Phòng No. 95 Nguyen Binh Street, Ngo Quyuen Ward, Hai Phong City	0	0	Anh rể Brother-in-law
7.13	Đỗ Hữu Tạo	Chưa có None	Không None	031059009462 cấp ngày 18/09/2022 tại Cục CS QLHC về TTXH ID No. 031059009462, issued on 18 September 2022 by C06 – Ministry of Public Security.	Phường Thắng Nhất, TP.Hồ Chí Minh Thang Nhat Ward, Ho Chi Minh City	0	0	Anh rể Brother-in-law
7.14	Đoàn Thị Hải	Chưa có None	Không None	031164002081 cấp ngày 03/05/2024 tại Cục CS QLHC về TTXH ID No. 031164002081, issued on 03 May 2024 by Ministry	135J2 Lê Quang Định, phường Rạch Dừa, TP. Hồ Chí Minh 135J2 Le Quang Dinh Street, Rach Dua Ward, Ho Chi Minh City	0	0	Chị dâu Sister-in-law

				of Public Security.				
7.15	Nguyễn Văn Khải	Chưa có None	Không None	031062010575 cấp ngày 27/11/2023 tại Cục CS quản lý HC về TTXH ID No. 031062010575, issued on 27 November 2023 by C06 – Ministry of Public Security.	Thôn 2, Vĩnh Tiến, Vĩnh Bảo, TP.Hải Phòng Hamlet 2, Vinh Tien Commune, Vinh Bao District, Hai Phong City	0	0	Anh rể Brother-in-law
7.16	Nguyễn Thị Ngọc	Chưa có None	Không None	031173006736 cấp ngày 28/06/2021 tại Cục CS QLHC về TTXH ID No. 031173006736, issued on 28 June 2021 by C06 – Ministry of Public Security.	6/194 Chợ hàng, phường Lê Chân, TP.Hải Phòng No. 6/194 Cho Hang Street, Le Chan Ward, Hai Phong City	0	0	Chị dâu Sister-in-law
7.17	Trần Thị Diệu Linh	Chưa có None	Không None	031197006523 Cấp ngày 17/04/2023 tại Cục CS- ĐKQLCT&DLQ G về DC ID No. 031197006523, issued on 17 April 2023 by C06 – Ministry of Public Security.	B13.01 KĐT Hoàng Huy Mall- Phường Lê Chân - TP.Hải Phòng B13.01, Hoang Huy Mall Urban Area, Le Chan Ward, Hai Phong City	0	0	Con dâu Daughter-in-law

8	Đặng Kiến Nghiệp	1670581 tại Công ty CP Chứng khoán MB MB Securities Joint Stock Company	Kế toán trưởng /Người CBTT /Người phụ trách quản trị nội bộ Chief Accountant / Information Disclosure Officer / Internal Governance Officer	035080000758 cấp ngày 4/10/2021, tại Cục Cảnh sát QLHC về TTXH ID No. 035080000758, issued on 04 October 2021 by C06 – Ministry of Public Security.	Số 26, tổ 17, cụm 3, Gia Viên, TP.Hải Phòng No. 26, Group 17, Cluster 3, Gia Vien Ward, Hai Phong City, Vietnam.	0	0	Kế toán trưởng /Người CBTT /Người phụ trách quản trị nội bộ Chief Accountant / Information Disclosure Officer / Internal Governance Officer
8.1	Hoàng Thị Cẩm Linh	Chưa có None	Không None	031180001371 Cấp ngày 05/8/2021 tại Cục Cảnh sát QLHC về TTXH ID No. 031180001371, issued on 05 August 2021 by C06 – Ministry of Public Security.	Số 14D, Đà Nẵng, Gia Viên, TP.Hải Phòng No. 14D, Da Nang Street, Gia Vien Ward, Hai Phong City, Vietnam.	0	0	Vợ Wife
8.2	Đặng Hoàng Lâm	Chưa có None	Không None	031208015012 Cấp ngày 23/03/2023 Nơi cấp: Cục CS QLHC về TTXH ID No. 031208015012, issued on 23 March 2023 by C06 – Ministry of	Số 14D, Đà Nẵng, Gia Viên, TP.Hải Phòng No. 14D, Da Nang Street, Gia Vien Ward, Hai Phong City, Vietnam.	0	0	Con đẻ Biological child

				<i>Public Security.</i>				
8.3	Đặng Hoàng Khánh Chi	Chưa có <i>None</i>	Không <i>None</i>	031312015284 Cấp ngày 29/07/2025 Nơi cấp: Bộ Công An ID No. 031312015284, issued on 29 July 2025 by the Ministry of Public Security.	Số 14D, Đà Nẵng, Gia Viên, TP.Hải Phòng No. 14D, Da Nang Street, Gia Vien Ward, Hai Phong City, Vietnam.	0	0	Con đẻ <i>Biological child</i>
8.4	Đặng Văn Nghị	Chưa có <i>None</i>	Không <i>None</i>	031054012622 Cấp ngày 9/4/2021 tại Cục Cảnh sát QLHC về TTXH ID No. 031054012622, issued on 09 April 2021 by C06 – Ministry of Public Security.	Số 26, tổ 17, cụm 3, Gia Viên, TP.Hải Phòng No. 26, Group 17, Cluster 3, Gia Vien Ward, Hai Phong City, Vietnam.	0	0	Bố đẻ <i>Father</i>
8.5	Chu Thị Xường	Chưa có <i>None</i>	Không <i>None</i>	031157011966 Cấp ngày 23/12/2021 tại Cục Cảnh sát QLHC về TTXH ID No. 031157011966, issued on 23 December 2021 by C06 – Ministry of Public Security.	Số 26, tổ 17, cụm 3, Gia Viên, TP.Hải Phòng No. 26, Group 17, Cluster 3, Gia Vien Ward, Hai Phong City, Vietnam.	0	0	Mẹ đẻ <i>Mother</i>
8.6	Đặng Đình Căn	Chưa có <i>None</i>	Không <i>None</i>	035086003787 cấp ngày	Số 26, tổ 17, cụm 3, Gia	0	0	Em ruột <i>Younger</i>

				28/6/2021 tại Cục Cảnh sát QLHC về TTXH ID No. 035086003787, issued on 28 June 2021 by C06 – Ministry of Public Security.	Viên, TP.Hải Phòng No. 26, Group 17, Cluster 3, Gia Viên Ward, Hai Phong City, Vietnam.			brother
8.7	Hoàng Tín	Chưa có None	Không None	031050002822, cấp ngày 28/6/2021 tại Cục Cảnh sát QLHC về TTXH ID No. 031050002822, issued on 28 June 2021 by C06 – Ministry of Public Security.	Số 14D, Đà Nẵng, Gia Viên, TP.Hải Phòng No. 14D, Da Nang Street, Gia Viên Ward, Hai Phong City, Vietnam.	0	0	Bố vợ Father-in-law
8.8	Nguyễn Thị Loan	Chưa có None	Không None	031154003592, cấp ngày 28/6/2021 tại Cục Cảnh sát QLHC về TTXH ID No. 031154003592, issued on 28 June 2021 by C06 – Ministry of Public Security.	Số 14D, Đà Nẵng, Gia Viên, TP.Hải Phòng No. 14D, Da Nang Street, Gia Viên Ward, Hai Phong City, Vietnam.	0	0	Mẹ vợ Mother-in-law
9	Hồ Thị Kim Ánh	058C757783 009C179050	Trưởng Ban Kiểm soát (kiêm nhiệm) Head of Supervisory	046193005448 cấp ngày 28/06/2021 tại Cục CS quản lý HC về TTXH ID No.	443/96A Lê Văn Sỹ, Khu phố 8, Phường Nhiều Lộc, TP. Hồ Chí Minh No. 443/96A Le	0	0	Trưởng Ban Kiểm soát (kiêm nhiệm) Head of Supervisory Board

			<i>Board (concurrent)</i>	<i>046193005448, issued on 28 June 2021 by C06 – Ministry of Public Security.</i>	<i>Van Sy Street, Quarter 8, Nhiều Loc Ward, Ho Chi Minh City, Vietnam.</i>			<i>(concurrent)</i>
9.1	Trần Kỳ Anh	058C617590 009C147032 003C330109 085C301090 033C679389	Không <i>None</i>	056090011792 cấp ngày 16/02/2024 tại Cục CS quản lý HC về TTXH <i>ID No.</i> 056090011792, issued on 16 February 2024 by C06 – Ministry of Public Security.	443/96A Lê Văn Sỹ, Khu phố 8, Phường Nhiều Lộc, TP. Hồ Chí Minh <i>No. 443/96A Le Van Sy Street, Quarter 8, Nhiều Loc Ward, Ho Chi Minh City, Vietnam.</i>	0	0	Chồng <i>Husband</i>
9.2	Hồ Hữu Hưng	Chưa có <i>None</i>	Không <i>None</i>	046057008854 cấp ngày 28/06/2021 tại Cục CS quản lý HC về TTXH <i>ID No.</i> 046057008854, issued on 28 June 2021 by C06 – Ministry of Public Security.	Tổ dân phố Nhì Đông, Phường Phong Phú, TP.Huế. <i>Nhi Dong Residential Group, Phong Phu Ward, Hue City, Vietnam.</i>	0	0	Bố đẻ đã mất <i>Father, Deceased</i>
9.3	Võ Thị Vui	Chưa có <i>None</i>	Không <i>None</i>	045160004966 cấp ngày 28/06/2021 tại Cục CS quản lý HC về TTXH <i>ID No.</i> 045160004966, issued on 28 June	Tổ dân phố Nhì Đông, Phường Phong Phú, TP.Huế. <i>Nhi Dong Residential Group, Phong</i>	0	0	Mẹ đẻ <i>Mother</i>

				2021 by C06 – Ministry of Public Security.	Phu Ward, Hue City, Vietnam.			
9.4	Hồ Hữu Quang	Chưa có None	Không None	046089013626 cấp ngày 28/06/2021 tại Cục CS quản lý HC về TTXH ID No. 046089013626, issued on 28 June 2021 by C06 – Ministry of Public Security.	Tổ dân phố Nhì Đông, Phường Phong Phú, TP.Huế. Nhi Dong Residential Group, Phong Phu Ward, Hue City, Vietnam.	0	0	Anh ruột Older brother
9.5	Hồ Thị Trâm Anh	058C645551 085C201093	Không	046191006433 cấp ngày 28/06/2021 tại Cục CS quản lý HC về TTXH ID No. 046191006433, issued on 28 June 2021 by C06 – Ministry of Public Security.	Tổ dân phố Nhì Đông, Phường Phong Phú, TP.Huế. Nhi Dong Residential Group, Phong Phu Ward, Hue City, Vietnam.	0	0	Chị ruột Older sister
9.6	Trần Đức Thám	Chưa có None	Không None	046054008202 cấp ngày 05/01/2021 tại Cục CS quản lý HC về TTXH ID No. 046054008202, issued on 05 January 2021 by C06 – Ministry of Public Security.	112/5 Đồng Nai, Phường Nam Nha Trang, Khánh Hòa No. 112/5 Dong Nai Street, Nam Nha Trang Ward, Khanh Hoa Province, Vietnam.	0	0	Bố chồng Father – in - law
9.7	Nguyễn Thị Lan	Chưa có	Không		112/5 Đồng Nai,	0	0	Mẹ chồng

		None	None		Phường Nam Nha Trang, Khánh Hòa No. 112/5 Dong Nai Street, Nam Nha Trang Ward, Khanh Hoa Province, Vietnam.			Mother – in - law	
9.8	Cao Phú	Chưa có None	Không None	046090010621 cấp ngày 15/08/2021 tại Cục CS quản lý HC về TTXH ID No. 046090010621, issued on 15 August 2021 by C06 – Ministry of Public Security.	Thôn Tam Hiệp, Xã Bình Điền, TP. Huế Tam Hiep Hamlet, Binh Dien Commune, Hue City, Vietnam.	0	0	Anh rể Brother-in-law	
9.9	Lê Thị Kim Tiến	Chưa có None	Không None	046192014246, ngày cấp 12/04/2022, nơi cấp Cục CS QLHC trật tự xã hội ID No. 046192014246, issued on 12 April 2022 by C06 – Ministry of Public Security.	Tổ dân phố Nhất Tây, Phường Phong Phú, TP. Huế Nhat Tay Residential Group, Phong Phu Ward, Hue City, Vietnam.	0	0	Chị dâu Sister-in-law	
9.10	Trần Hồ Hạ An	Chưa có None	Không None		443/96A Lê Văn Sỹ, Khu phố 8, Phường Nhiêu Lộc, TP. Hồ Chí Minh	0	0	Con đẻ Biological child	

					No. 443/96A Le Van Sy Street, Quarter 8, Nieu Loc Ward, Ho Chi Minh City, Vietnam.			
10	Đặng Kiều Anh	0001840811	TVBKS Member of the Board of Supervisors	036184005269 cấp ngày 23/10/2024 tại Bộ Công an ID No. 036184005269, issued on 23 October 2024 by the Ministry of Public Security.	Số 2/31/53 Vũ Chí Thắng, Phường An Biên, TP.Hải Phòng No. 2/31/53 Vu Chi Thang Street, An Bien Ward, Hai Phong City, Vietnam.	0	0	TVBKS Member of the Board of Supervisors
10.1	Nguyễn Hoàng	Chưa có None	Không None	031084010614 cấp ngày 10/05/2018 tại Cục Cảnh sát ĐKQL Cư trú và DLQG về dân cư ID No. 031084010614, issued on 10 May 2018 by the Department of Residence Registration and National Population Database – Ministry of Public Security.	Số 2/31/53 Vũ Chí Thắng, Phường An Biên, TP.Hải Phòng No. 2/31/53 Vu Chi Thang Street, An Bien Ward, Hai Phong City, Vietnam.	0	0	Chồng đã mất Husband, Deceased
10.2	Nguyễn Hoàn Khánh	Chưa có	Không	031209004670	Số 2/31/53 Vũ	0	0	Con đẻ

	Đông	None	None	cấp ngày 27/11/2023 tại Cục Cảnh sát QLHC về TTXH ID No. 031209004670, issued on 27 November 2023 by C06 – Ministry of Public Security.	Chí Thắng, Phường An Biên, TP.Hải Phòng No. 2/31/53 Vu Chi Thang Street, An Bien Ward, Hai Phong City, Vietnam.			Biological child
10.3	Nguyễn Minh Châu	Chưa có	Không		Số 2/31/53 Vũ Chí Thắng, Phường An Biên, TP.Hải Phòng No. 2/31/53 Vu Chi Thang Street, An Bien Ward, Hai Phong City, Vietnam.	0	0	Con đẻ Biological child
10.4	Đặng Công Bình	Chưa có None	Không None	036053011831 ngày cấp 10/05/2021 tại Cục Cảnh sát QLHC về TTXH ID No. 036053011831, issued on 10 May 2021 by C06 – Ministry of Public Security.	Số 40 Đường Kênh, Tổ 20, Phường Nam Định, Tỉnh Ninh Bình No. 40 Duong Kenh, Group 20, Nam Dinh Ward, Ninh Binh Province, Vietnam.	0	0	Bố đẻ Father
10.5	Trần Thị Thoa	Chưa có None	Không None	036154017836, cấp ngày 25/08/2021 tại Cục Cảnh sát	Số 40 Đường Kênh, Tổ 20, Phường Nam Định, Tỉnh Ninh	0	0	Mẹ đẻ Mother

				QLHC về TTXH ID No. 036154017836, issued on 25 August 2021 by C06 – Ministry of Public Security.	Bình No. 40 Duong Kenh, Group 20, Nam Dinh Ward, Ninh Binh Province, Vietnam.			
10.6	Đặng Thị Vân Anh	Chưa có None	Không None	036175008144 cấp ngày Ngày cấp của c 21/3/2023 tại Cục Cảnh sát QLHC về TTXH ID No. 036175008144, issued on 21 March 2023 by C06 – Ministry of Public Security.	P2508, Tòa nhà N01a, Trung tâm Thương mại, Dịch vụ , Nhà ở Golden – Land Building, Số 275 Nguyễn Trãi, Phường Khuong Đình, TP.Hà Nội Apartment P2508, Building N01A, Golden Land Complex (Commercial, Service and Residential Center), No. 275 Nguyen Trai Street, Khuong Dinh Ward, Hanoi, Vietnam.	0	0	Chị ruột Older sister
10.7	Phạm Quang Hùng	Chưa có None	Không None	024077000630 cấp ngày Ngày cấp của c 21/11/2023 tại Cục Cảnh sát QLHC về TTXH ID No. 024077000630,	P2508, Tòa nhà N01a, Trung tâm Thương mại, Dịch vụ , Nhà ở Golden – Land Building, Số 275 Nguyễn Trãi, Phường	0	0	Anh rể Brother-in-law

				issued on 21 November 2023 by C06 – Ministry of Public Security.	Khuong Đình, TP.Hà Nội Apartment P2508, Building N01A, Golden Land Complex (Commercial, Service and Residential Center), No. 275 Nguyen Trai Street, Khuong Dinh Ward, Hanoi, Vietnam.			
10.8	Nguyễn Văn Hoàn	Chưa có None	Không None	031057009390 cấp ngày 6/10/2022 tại Cục Cảnh sát QLHC về TTXH ID No. 031057009390, issued on 06 October 2022 by C06 – Ministry of Public Security.	Số 2/31/53 Vũ Chí Thắng, Phường An Biên, TP.Hải Phòng No. 2/31/53 Vu Chi Thang Street, An Bien Ward, Hai Phong City, Vietnam.	0	0	Bố chồng Father – in - law
10.9	Nguyễn Thị Kim Yến	Chưa có None	Không None	031161003861 cấp ngày 29/04/2021 tại Cục Cảnh sát QLHC về TTXH ID No. 031161003861, issued on 29 April 2021 by C06 – Ministry of Public Security.	Số 2/31/53 Vũ Chí Thắng, Phường An Biên, TP.Hải Phòng No. 2/31/53 Vu Chi Thang Street, An Bien Ward, Hai Phong City, Vietnam.	0	0	Mẹ chồng Mother – in - law

11	Lê Thanh Tú	Chưa có None	TV BKS Member of the Board of Supervisors	031081010526 cấp ngày 01/05/2021 tại Cục Cảnh sát QLHC về TTXH ID No. 031081010526, issued on 01 May 2021 by C06 – Ministry of Public Security.	Số 5 BS2 PG An Đồng – Phường An Hải – TP.Hải Phòng No. 5, BS2, PG An Dong, An Hai Ward, Hai Phong City, Vietnam.	1.000	0,0025%	TV BKS Member of the Board of Supervisors
11.1	Phạm Thị Hạnh	7677	Không None	003184006163 cấp ngày 22/05/2023 tại Cục Cảnh sát QLHC về TTXH ID No. 003184006163, issued on 22 May 2023 by C06 – Ministry of Public Security.	Số 5 BS2 PG An Đồng – Phường An Hải – TP.Hải Phòng No. 5, BS2, PG An Dong, An Hai Ward, Hai Phong City, Vietnam.	0	0	Vợ Wife
11.2	Lê Thanh Hà	Chưa có None	Không None		Số 5 BS2 PG An Đồng – Phường An Hải – TP.Hải Phòng No. 5, BS2, PG An Dong, An Hai Ward, Hai Phong City, Vietnam.	0	0	Con đẻ Biological child
11.3	Lê Thanh Sơn	Chưa có None	Không None		Số 5 BS2 PG An Đồng – Phường An Hải – TP.Hải Phòng No. 5, BS2, PG An Dong, An	0	0	Con đẻ Biological child

					<i>Hai Ward, Hai Phong City, Vietnam.</i>			
11.4	Lê Thanh	Chưa có <i>None</i>	Không <i>None</i>	031046001443 cấp ngày 01/05/2021 tại Cục Cảnh sát QLHC về TTXH ID No. 031046001443, issued on 01 May 2021 by C06 – Ministry of Public Security.	Số 5 Lô 1 PG An Đồng – Phường An Hải – TP.Hải Phòng No. 5, Lot 1, PG An Dong, An Hai Ward, Hai Phong City, Vietnam.	0	0	Bố đẻ <i>Father</i>
11.5	Nguyễn Thị Nga	Chưa có <i>None</i>	Không <i>None</i>	030149000753 cấp ngày 20/05/2023 tại Cục Cảnh sát QLHC về TTXH ID No. 030149000753, issued on 20 May 2023 by C06 – Ministry of Public Security.	Số 5 Lô 1 PG An Đồng – Phường An Hải – TP.Hải Phòng No. 5, Lot 1, PG An Dong, An Hai Ward, Hai Phong City, Vietnam.	0	0	Mẹ đẻ <i>Mother</i>
11.6	Lê Anh Tuấn	Chưa có <i>None</i>	Không <i>None</i>	031079007081 cấp ngày 05/05/2021 tại Cục Cảnh sát QLHC về TTXH ID No. 031079007081, issued on 05 May 2021 by C06 – Ministry of Public Security.	Số 5 Lô 1 PG An Đồng – Phường An Hải – TP.Hải Phòng No. 5, Lot 1, PG An Dong, An Hai Ward, Hai Phong City, Vietnam.	0	0	Anh ruột <i>Older brother</i>
11.7	Phạm Văn Ty	Chưa có	Không	031059014170	Tân Minh – TP.	0	0	Bố vợ

		None	None	cấp ngày 13/08/2021 tại Cục Cảnh sát QLHC về TTXH ID No. 031059014170, issued on 13 August 2021 by C06 – Ministry of Public Security.	Hải Phòng Tan Minh, Hai Phong City, Vietnam.			Father-in-law
11.8	Phạm Thị Xum	Chưa có None	Không None	031162020011 cấp ngày 20/06/2022 tại Cục Cảnh sát QLHC về TTXH ID No. 031162020011, issued on 20 June 2022 by C06 – Ministry of Public Security.	Tân Minh – TP. Hải Phòng Tan Minh, Hai Phong City, Vietnam.	0	0	Mẹ vợ Mother-in-law
11.9	Phạm Văn Tuyền	Chưa có None	Không None	031087000727 cấp ngày 27/4/2024, nơi cấp Bộ Công an ID No. 031087000727, issued on 27 April 2024 by the Ministry of Public Security.	Tân Minh – TP. Hải Phòng Tan Minh, Hai Phong City, Vietnam.	0	0	Em vợ Brother-in-law
11.10	Phạm Thị Minh Tâm	Chưa có None	Không None	034184000567 cấp ngày 11/11/2022, Cảnh sát QLHC về TTXH ID No.	Số 5 Lô 1 PG An Đồng – Phường An Hải – TP.Hải Phòng No. 5, Lot 1, PG An Dong, An	0	0	Chị dâu Sister-in-law

				034184000567, issued on 11 November 2022 by C06 – Ministry of Public Security.	Hai Ward, Hai Phong City, Vietnam.			
--	--	--	--	---	--	--	--	--